

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 243 - Năm thứ 23 - Tháng 01-2010

Liên lạc : Hợp thư Thông Luận (Internet) : hopthu@thongluan.org

Mua báo : Nghịêm Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

Thơ đầu năm



Lời chúc đầu năm trước một khúc quanh lịch sử



Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và ban biên tập Thông Luận
xin chúc quý độc giả một năm 2010 an khang, hạnh phúc,
thành công trong mọi dự định.

Đây là một lời chúc rất thành thật và rất ân tình, bởi vì độc giả báo giấy Thông Luận không phải là những độc giả bình thường như độc giả các tờ báo khác. Họ không chỉ mua báo để đọc ; họ đã có thể đọc không tốn kém, tất cả các bài trên tờ báo này và nhiều bài khác trên báo điện tử Thông Luận (www.thongluan.org). Họ mua báo để duy trì một quan hệ tình cảm và để hỗ trợ một tổ chức chính trị mà họ tán thành lý tưởng, mục tiêu và phương thức. Chính vì vậy mà nhiều độc giả đã đóng góp những số tiền lớn hơn hẳn giá mua báo dài hạn. Đây là một dịp để Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và ban biên tập chân thành cảm tạ thịnh tình này.

Thông Luận không phải là một tờ báo bình thường, nó là nội san liên lạc của một khối người yêu nước cùng theo đuổi một giấc mơ Việt Nam chung và cùng hợp sức tranh đấu cho tự do và dân chủ, vì tương lai của đất nước và vì mỗi người Việt Nam, bằng trí tuệ và với tinh đồng bào. Chúng ta là một tập thể chí hữu và một gia đình lớn.

Năm 2010, chúng ta sẽ còn phải chia sẻ và hợp tác với nhau nhiều hơn vì đây là một năm rất quan trọng và một khúc quanh lịch sử. Đảng cộng sản đang ở trong giai đoạn gay cấn chuẩn bị đại hội đảng lần thứ 11 dự trù vào đầu năm tới, giữa lúc bối cảnh thế giới khủng hoảng bắt buộc xét lại mọi phương thức kinh doanh và quan hệ hợp tác. Mô thức Trung Quốc mà Việt Nam sao chép không còn tiếp tục được nữa ; chế độ cộng sản đã tích lũy những mâu thuẫn trầm trọng phải giải quyết ngay ; bất mãn đã lên rất cao trong dân chúng ; đảng cộng sản đã phân hóa trầm trọng trong nội bộ sau khi đã biến thành một giai cấp bóc lột ; những người đã có thành tích và vai trò trong cuộc chiến đưa đảng cộng sản lên cầm quyền đều sẽ ra đi hết, những người sắp được đặt vào địa vị lãnh đạo đảng sẽ không những không có sự chính đáng nào trước nhân dân Việt Nam mà cũng không có cả uy tín cần thiết ngay trong đảng.



Chế độ cộng sản chắc chắn không thể tiếp tục như hiện nay sau đại hội 11. Đảng cộng sản phải lấy những quyết định quan trọng và phải lấy ngay trong lúc này. Không lấy quyết định thay đổi hay trì hoãn lấy quyết định cũng là một quyết định, nhưng là quyết định đầy nguy hiểm vì chỉ là ngoan cố duy trì một tình trạng không thể duy trì được nữa với những cấp lãnh đạo mờ nhạt không thành tích, không uy tín, thiếu cả đạo đức lẫn khả năng. Trừ khi có một sức bật đột ngột mới, mọi dấu hiệu cho thấy là đảng cộng sản đang tiến tới quyết định tự sát này. Đó sẽ là một thảm kịch không phải chỉ riêng cho đảng cộng sản mà cả cho đất nước, bởi vì không phải sẽ chỉ có đảng cộng sản sụp đổ trong sự thù ghét của dân chúng mà chính đất nước cũng sẽ rơi vào khủng hoảng và hỗn loạn. Chúng ta đang đứng trước một nguy cơ lớn.

Chuyển hóa đất nước về dân chủ trong hòa bình và trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc là điều mà mọi người Việt Nam yêu nước hằng mong muốn, là điều mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên theo đuổi và liên tục kêu gọi trên tờ báo này, và được đại đa số độc giả trung thành của Thông Luận ủng hộ. Đó là mục tiêu chung của chúng ta. Mục tiêu này, trái với nhận xét bi quan của nhiều người, có thể đạt được trong vài năm sắp tới và ít nhất một bước quan trọng trong năm nay.

Dưới bể ngoài rã rượi, phong trào dân chủ thật ra đang tập trung lực lượng. Các sáng kiến thiểu chuẩn bị và các tổ chức thiểu thực chất đã bị đào thải, những người muốn dân chủ hóa đất nước từ nay không còn bị đánh lạc hướng, họ biết rõ phải tiếp tay cho ai. Và ngày càng nhiều người trong đảng và nhà nước cộng sản nhận ra rằng ban lãnh đạo cộng sản đang đưa đất nước vào bế tắc. Họ có thể góp phần chủ động và quyết định đem lại thắng lợi cho cuộc vận động dân chủ trước cũng như sau đại hội 11.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẽ có mặt trong khúc quanh lịch sử này. Nó cần được hỗ trợ mạnh mẽ hơn nữa, trước hết bởi các thân hữu đã yểm trợ nó từ nhiều năm qua và những bạn bè.

Quyết tâm, kiên trì và gắn bó là mệnh lệnh của đất nước và là những điều mà chúng ta chúc nhau.

Nguyễn Văn Huy

Bình luận

Những gì đáng chú ý nhất năm 2009 ?

Nguyễn Gia Kiểng

Ký giả Phượng Hoàng của đài SBS hỏi tôi về "ba sự kiện nổi bật và quan trọng nhất trong năm 2009". Câu hỏi hóc búa.

Việt Nam là nước đông dân thứ 13 trên thế giới, trên trái đất này cứ 1000 người thì có 15 người Việt Nam. Chúng ta lại đang ở giữa một cuộc chuyển hóa lịch sử, trong bối cảnh của một cuộc khủng hoảng toàn cầu. Dĩ nhiên là phải có rất nhiều biến cố nổi bật và quan trọng trong năm qua. Chọn lựa ba sự kiện "nổi bật và quan trọng" nhất là điều rất khó, càng khó vì có những biến cố nổi bật mà chưa chắc đã thực sự quan trọng, ngược lại cũng có những sự kiện quan trọng nhưng không thu hút được sự chú ý. Tôi chọn ba sự kiện sau đây chỉ vì câu hỏi của bà Phượng Hoàng buộc tôi phải chọn.

Sự kiện thứ nhất là trong năm qua chính quyền cộng sản đã già tăng đàn áp một cách rõ rệt, về cả bề mặt lấn chiềú sâu, về số lượng người bị đàn áp cũng như mức độ thô bạo.



Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Văn Tính, Nguyễn Mạnh Sơn, Ngô Quỳnh, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Kim Nhàn, Trần Đức Thạch, Vũ Hùng, Phạm Văn Trội bị xử những án tù rất nặng trong hai phiên tòa tại Hà Nội và Hải Phòng sau một năm giam giữ chỉ vì đã treo, hoặc tiếp tay treo, một số biểu ngữ chống tham nhũng, kêu gọi dân chủ, kêu gọi giũy vện toàn lãnh thổ. Chính quyền cộng sản gán cho họ tội tuyên truyền chống nhà nước. Cô Phạm Thanh Nghiên, đã bị giam từ hơn một năm nay, chờ ra tòa lánh án tù chỉ vì đã ngồi trong nhà để phản đối Trung Quốc lấn chiềú. Cựu trung tá Trần Anh Kim vừa bị xử 5 năm rưỡi tù giam và ba năm quản chế. Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Tiến Trung và Lê Thăng Long, bị bắt giam từ nửa năm nay, sắp ra tòa vì bị buộc tội "hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân" để lánh những án tù có thể trên 15 năm.

Chính quyền cộng sản leo thang trong sự buộc tội tùy tiện và cung leo thang trong sự hung bạo, viện vào những việc làm ôn hòa phù hợp với luật pháp và quyền công dân để cáo buộc những tội danh nghiêm trọng như "lật đổ chính quyền". Đó là chưa kể vô số những vụ xét nhả, tịch thu máy vi tính, đấu tố tại phường khóm, triệu tập ra đồn công an thẩm vấn, có khi đánh đập ngay tại đồn công an. Và cũng không nên quên những vụ công an dùng bợn đầu gấu và những phân tử quá khích để hành hung các tín đồ Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài tại Tam Tòa, Bảo Lộc, Định Quán.

Phải hiểu tầm quan trọng của đại hội 11 sắp tới của Đảng Cộng sản Việt Nam nếu muốn hiểu đợt đàn áp này. Nó được dự trù vào tháng 1-2011 nhưng, như mọi đại hội đảng, nó phải được chuẩn bị từ hai năm trước đó, nghĩa là từ đầu năm 2009. Hai công tác chuẩn bị chính là quyết định đường lối và nhân sự lãnh đạo cho khóa mới. Cho đến nay, có lẽ chỉ trừ đại hội 3 năm 1960 và đại hội 6 năm 1986, chưa bao giờ đảng cộng sản phải đứng trước những chọn lựa khó khăn về cả đường lối lẫn nhân sự lãnh đạo.

Đại hội 3 năm 1960 phải lấy quyết định quan trọng là phát động cuộc chiến tranh với miền Nam, nhưng quyết định này hầu dã có đồng thuận trong đảng vào lúc đó nên đã dễ đạt tới. Quyết định gây chiến sau đó đã có tác dụng tự nhiên là tăng cường liên minh Lê Duẩn - Lê Đức Thọ, vì hai ông này vừa chủ chiến vừa hiểu biết tình hình miền Nam, nhưng liên minh Duẩn - Thọ vốn đã có sức mạnh áp đảo từ trước. Cho nên xét cho cùng đại hội 3 tuy khó khăn nhưng không đe dọa sự đoàn kết trong đảng. Một tình trạng tương tự cũng

đã xảy ra với đại hội 6 năm 1986 khi đảng cộng sản phải chấp nhận "đổi mới để tồn tại".

Đại hội 11 khó khăn hơn nhiều cho đảng cộng sản vì cùng một lúc nó phải lấy những quyết định rất lớn về cả đường lối lẫn lãnh đạo. Nó diễn ra vào lúc chính sách "đổi mới" hoàn toàn không còn gì là mới và hơn thế nữa đã tích lũy những mâu thuẫn nghiêm trọng phải giải quyết ngay.Thêm vào đó là thế giới đang khủng hoảng và rõ ràng là mô thức Trung Quốc mà Việt Nam sao chép không thể tiếp tục được nữa. Nó cũng đến vào một lúc mà xã hội Việt Nam đã chín muồi cho một thay đổi chế độ. Trong hơn ba thập niên qua, nhất là từ sau đại hội 6, đã diễn ra một cuộc giằng co giữa một bên là xã hội dân sự Việt Nam vùng vẫy để tự cởi trói và một bên là đảng cộng sản cố duy trì chế độ kìm kẹp ; tương quan lực lượng đã không ngừng biến đổi thuận lợi cho xã hội dân sự và ngày nay điểm đoạn tuyệt đã đến rất gần. Phải lấy quyết định, không lấy quyết định cũng là một quyết định và còn là quyết định phiêu lưu nhất.

Đại hội 11 cũng sẽ là đại hội của một sự chuyển giao thế hệ toàn bộ. Tất cả những người có thành tích và vai trò trong cuộc chiến đưa đảng cộng sản đến thắng lợi đều sẽ ra đi hết. Họ sẽ không còn ở đó để cầm quyền hoặc đỡ đầu cho những người cầm quyền. Những người lãnh đạo xuất phát từ đại hội 11 sẽ phải tìm sự chính đáng trong những thành tích của họ từ sau 1975, nhưng sự chính đáng này không ai có. Không một cấp lãnh đạo cộng sản nào có thể tự hào về một thành tích nào, hơn nữa còn đóng góp tạo ra tham nhũng và làm băng hoại đạo đức xã hội. Vấn đề nhân sự lãnh đạo sẽ không có giải đáp. Sẽ không có những khuôn mặt đủ uy tín để áp đặt những thay đổi cần thiết, thậm chí để giữ cho đảng khỏi rạn nứt. Trong tình trạng bế tắc đó, nhất là nội bộ đảng đã rất phân hóa, những tranh cãi và tranh giành có thể làm đảng tan vỡ. Trừ khi có những kẻ thù chung và những mối lo chung. Những vụ đàn áp này không nhắm triệt tiêu những mối nguy có thực, chúng chỉ nhắm tạo ra ấn tượng là có những kẻ thù nguy hiểm và những âm mưu lật đổ chế độ để đoàn kết đảng trong giai đoạn chuẩn bị đại hội.

Đảng cộng sản cần đàn áp và họ cũng nghĩ có thể đàn áp mà không gặp những phản ứng mạnh từ Hoa Kỳ. Họ phần nào có lý bởi vì chính quyền Obama là một chính quyền thực dụng, không coi những giá trị dân chủ và nhân quyền là ưu tư hàng đầu của chính sách đối ngoại. Nhưng có lẽ họ đã hơi bị bất ngờ vì phản ứng của Liên Hiệp Châu Âu.

Sự kiện quan trọng thứ hai là quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc chuyển sang thế đối đầu.

Ngày 31-12-2008, hai bên hoàn tất việc cắm mốc biên giới một cách tưng bừng nhưng sau đó quan hệ ngày càng trở nên phức tạp.

Trung Quốc cho đăng một số bài báo đe dọa đánh Việt Nam hoặc cảnh giác về nguy cơ Việt Nam sẽ tấn công họ, Việt Nam làm ngơ để cho một số trí thức lên án Trung Quốc, cụ thể là phản đối dự án cho Trung Quốc khai thác bôxit tại Tây Nguyên. Trung Quốc tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông và biểu quyết đao luật bảo vệ vùng biển và các hải đảo, Việt Nam phản đối bởi vì các vùng biển và hải đảo đó bao gồm cả những gì thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trung Quốc tổ chức du lịch trên Hoàng Sa và Việt Nam phản đối. Trung Quốc và Việt Nam đều đặt chính quyền địa phương tại Hoàng Sa



và Trường Sa. Trung Quốc tăng uy hiếp ngư dân Việt Nam trên Biển Đông và Việt Nam ngày càng phản đối một cách mạnh mẽ hơn.

Việt Nam mua máy bay chiến đấu hiện đại và tàu ngầm của Nga và Trung Quốc coi đây như là một sự chuẩn bị để đối đầu với họ. Việt Nam gia tăng quan hệ hợp tác về quân sự với các cường quốc, bộ trưởng quốc phòng Việt Nam thăm viếng Hoa Kỳ, và Trung Quốc nói bóng gió rằng Việt Nam đang tìm hậu thuẫn để chống lại họ. Điều cần lưu ý là những lời qua tiếng lại ngày càng nhiều và càng ít rào đón và nể nang.

Cho tới nay tuy chưa có những lời tuyên bố thực sự thù địch nhưng người ta có thể thấy cả hai bên đều không muốn hòa giải và đang tiến dần đến thế đối đầu.

Người ta sẽ không thể hiểu quan hệ Việt Trung nếu không nắm vững hai sự kiện.

Một là trong Đảng Cộng sản Việt Nam không hề có khuynh hướng thân Trung Quốc, các cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam đều không ưa Trung Quốc, họ chỉ khác nhau ở chỗ sợ Trung Quốc nhiều hay ít thôi. Bắc Kinh thừa biết điều đó và cũng không ưa gì Đảng Cộng sản Việt Nam mà họ từng thỏa mạ là giả dối, vong ân bội nghĩa. Tâm lý dựa vào Trung Quốc để tồn tại trước đây có thực cũng ngày một yếu đi vì một mặt Trung Quốc không giúp đỡ gì cho Việt Nam mà chỉ chèn ép và, mặt khác, Trung Quốc không có chọn lựa nào khác hơn là mong muốn chế độ cộng sản Việt Nam kéo dài để đừng phải tiếp giáp với một nước dân chủ lớn, nhất là hai tỉnh tiếp



giáp với Việt Nam, Vân Nam và Quảng Tây, lại là những tỉnh tự trị trong đó khuynh hướng ly khai rất mạnh. Chưa kể là nước Việt Nam cộng sản hiện nay đang là một khách hàng quan trọng của Trung Quốc, hàng năm đem lại cho Trung Quốc một số thặng dư thương mại rất lớn ; năm 2009 con số này là 11,300 tỷ USD trong tổng số thâm thuỷ ngoại thương 12,246 tỷ USD của Việt Nam, nghĩa là thâm thuỷ đối Trung Quốc gần bằng tổng số, chính xác là 92%, thâm thuỷ ngoại thương của Việt Nam. Cũng chưa kể khối hàng lậu khổng lồ từ Trung Quốc đổ vào Việt

Nam hàng ngày. Quan hệ với Trung Quốc làm Việt Nam chảy máu nặng. Càng ngày càng có nhiều người, ngay cả trong số cán bộ trung và cao cấp cộng sản Việt Nam, nhận ra rằng quan hệ đối với Trung Quốc hoặc phải được lành mạnh hóa hoặc phải chấm dứt. Chính quyền cộng sản Việt Nam ngày càng nhận ra rằng Trung Quốc cũng cần họ không kém gì họ cần Trung Quốc. Có thể có những cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam bị Trung Quốc mua chuộc nhưng họ chỉ là một thiểu số.

Hai là lý do chính khiến chính quyền cộng sản Việt Nam sợ Trung Quốc là biên giới trên đất liền. Đa số các sắc dân sống trong vùng này, bên này cũng như bên kia biên giới, đều ít gắn bó với cả Trung Quốc lẫn Việt Nam. Họ có thể ngả theo bên nào ve vãn họ nhiều hơn, và Trung Quốc có nhiều phương tiện để mua chuộc hơn. Việt Nam đã mất nhiều phần đất như thế và luôn lo ngại sẽ mất thêm. Nhưng nay mốc biên giới Việt - Trung đã cắm, lo ngại biên giới phía Bắc nếu chưa hẳn là đã tan biến thì cũng giảm đi rất nhiều, Việt Nam không còn lý do để phải sợ và nhẫn nhục nữa. Dĩ nhiên Trung Quốc có thể lộng hành trên Biển Đông, truy bức ngư dân Việt Nam, ngăn cản Việt Nam khai thác dầu khí ngoài khơi như họ đang làm, nhưng họ không thể chiếm đóng được biển và cũng không thể lộng hành một cách lâu dài mà không bị thế giới và các nước trong vùng lên án. Như vậy sự thay đổi thái độ đối với Trung Quốc của



chính quyền cộng sản Việt Nam là có lý do nền tảng, do đó mâu thuẫn giữa hai chính quyền chỉ có thể gia tăng. Thế đối đầu khó tránh khỏi và Việt Nam, yếu hơn Trung Quốc về mọi phương diện, sẽ rất cần hậu thuẫn của thế giới.

Sự kiện thứ ba là sự lúng túng rõ rệt của chính quyền cộng sản trong một tình trạng kinh tế nguy ngập.

Trong thông điệp đầu năm của ông, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khoe rằng kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng 5,2% trong năm qua. Không nên tin, bởi vì tỷ lệ tăng trưởng tùy thuộc tổng sản lượng nội địa (GDP) và tỷ lệ lạm phát trong khi cả con số này đều được chính quyền cộng sản tính một cách rất không chính xác. Thực tế là hoạt động của các công ty đã giảm sút và đời sống của quần chúng đã khó khăn hơn.

Chính quyền, và cá nhân ông Dũng nói riêng, đã tổ rất thiếu bài bản trong việc đương đầu với cuộc khủng hoảng kinh tế. Gói kích cầu - số tiền bỏ ra để kích thích hoạt động kinh tế - được công bố là 8 tỷ USD. Số tiền này tuy chưa bằng 1% những gói kích cầu của Mỹ và Trung Quốc nhưng rất lớn đối với Việt Nam vì tương đương với gần 10% GDP, nhất là chúng bị thâm thuỷ cán cân thương mại kinh niên và không có khả năng kích cầu độc lập. Tuy vậy số tiền này được bố trí một cách mâu thuẫn. Thí dụ như bớt thuế gần 2 tỷ USD để gia tăng khối tiền tệ và kích thích tiêu thụ nhưng đồng thời lại bán hơn một tỷ USD công trái, nghĩa là vay của công chúng (vì chắc chắn là sẽ không có người hay công ty nước ngoài mua công trái này), với tác dụng là giảm bớt khối lượng tiền tệ và sức mua.

Một thí dụ khác là hơn một tỷ USD được dùng để hỗ trợ lãi suất tín dụng cho các ngân hàng, nhưng rồi nhà nước lại tăng lãi suất cơ bản từ 7% lên 8%. Một điểm cũng rất đáng lưu ý trong gói kích cầu này là khoản "chuyển nguồn vốn đầu tư kế hoạch năm 2008 sang năm 2009 khoảng 30.200 tỷ đồng". Tại sao những đầu tư này, tổng cộng 2 tỷ USD vào thời điểm chúng được quyết định, lại chưa được tháo khoán ? Vì các dự án đầu tư kế hoạch này không khả thi hay vì chúng không có lợi ? Điểm này cho chúng ta một ý niệm về mức độ nghiêm túc của các dự án đầu tư kế hoạch.

Chính phủ của ông Dũng còn làm những sai lầm lớn khác. Cuối năm 2007 họ tung ra 150 nghìn tỷ đồng để mua 9 tỷ USD làm cả nước điêu đứng vì vật giá tăng vọt, lý do là để "hỗ trợ đồng đô la" vì sợ hối suất đồng đô la Mỹ sẽ giảm sút nghiêm trọng so với đồng tiền Việt Nam ; dự đoán này sai một cách lố bịch vì điều ngược lại đã xảy ra. Đồng đô la lúc đó bằng 15.000 đồng Việt Nam, ngày nay nó đổi lấy 18.500 đồng. Cuối năm 2008 chính phủ của ông Dũng trả tài một lần nữa. Thấy thực phẩm lên giá đột ngột, họ ra lệnh cấm xuất cảng gạo, họ nghĩ rằng giá gạo sẽ còn tăng thêm và sợ bán hổ. Sau đó thì giá gạo xuống nhanh và nông dân khốn khổ. Thực ra giá thực phẩm chỉ biến động trong một thời gian ngắn, ngay lúc ông Dũng lấy quyết định cấm xuất khẩu gạo Ngân Hàng Thế Giới (WB) cũng chỉ ước lượng mức thiếu hụt lương thực trên thế giới vào khoảng 500 triệu USD. Trong một nước dân chủ những sai lầm như vậy chắc chắn đã buộc chính phủ phải từ chức.



Nghiêm trọng hơn nữa là dự án khai thác bôxit Tây Nguyên. Rất nhiều tác giả đã nói một cách chính xác về mặt kỹ thuật để chứng minh dự án này là một sai lầm lớn và nếu được thực hiện sẽ là một thảm kịch cho môi trường, họ cũng nói rằng khai thác bôxit chủ yếu là một cách để xuất khẩu điện mà Việt Nam không có. Với kinh nghiệm những năm làm kỹ sư nghiên cứu trong ngành sản xuất

nhôm, tôi chỉ có thể đồng ý với họ. Nhưng còn một lý do khác, thuần túy kinh tế, chứng tỏ dự án khai thác bôxit Tây Nguyên là một sai lầm.

Giá nguyên liệu thay đổi theo những chu kỳ, với khuynh hướng dài hạn là xuống. Các nhà kinh tế nói tiếng Anh có một câu tục ngữ dí dỏm là "những gì ở đất ra thì chỉ có thể xuống giá" (what comes from the ground can only go down). Nguyên liệu lên giá trong khoảng từ 5 tới 7 năm và sau đó xuống giá trong khoảng 20 năm liền. Thế giới đang bắt đầu giai đoạn xuống giá của nguyên liệu ; như vậy ngay cả nếu có tất cả mọi lý do kỹ thuật để khai thác bôxit Tây Nguyên thì cũng không nên khai thác vào lúc này. Chấm. Dù vậy ông Dũng vẫn nói rằng dự án khai thác bôxit Tây Nguyên phải tiếp tục vì "đó là một trong những chủ trương lớn của đảng".

Sự khoe khoang của ông Dũng càng lố lăng vào lúc chính phủ của ông công bố một con số đáng sợ : trong năm 2009 dầu tư trực tiếp từ nước ngoài đã giảm 70% so với năm 2008. Đây là một sự tháo chạy. Càng đáng sợ vì một đặc tính của kinh tế Việt Nam, một nền kinh tế đặt trọng tâm vào xuất khẩu nhưng lại nhập siêu kinh niên, do đó lệ thuộc rất nặng nề vào dầu tư nước ngoài, và số lượng ngoại tệ do người Việt hải ngoại gửi về.

Như đã nói trong phần đầu bài này, còn nhiều sự kiện khác có thể cũng quan trọng không kém trong năm qua. Nhưng hãy thử rút ra một vài kết luận đầu tiên từ ba sự kiện tạm được chọn này.

Kinh tế đang đứng trước nguy cơ lớn, bằng mọi giá phải phục hồi, và nếu có thể gia tăng, nguồn dầu tư nước ngoài, đồng thời chính phục thêm thị trường tại các nước đã phát triển, trước hết là Mỹ và Châu Âu. Trong bối cảnh kinh tế thế giới mới, mà một trong những nét đậm nhất là khuynh hướng triệt thoái về nội địa - giảm nhập khẩu và dầu tư ra nước ngoài - đây là những mục tiêu rất khó đạt, ngay cả nếu chúng ta là một nước dân chủ được cảm tình của thế giới.

Chắc chắn không phải là những vụ án chính trị thô bạo và những lời tuyên bố kiên trì với chủ nghĩa Mác-Lênin có thể tranh thủ được lòng tin của các nhà đầu tư. Liên Hiệp Châu Âu (thị trường xuất khẩu thứ hai của Việt Nam) đã từng lên án chủ nghĩa Mác-Lênin như là một tội ác đối với loài người và vừa ra quyết nghị lên án những vi phạm nhân quyền của chính quyền cộng sản Việt Nam và khuyến cáo các nước thành viên đặt vấn đề nhân quyền như là một điều kiện cho mọi hợp tác. Chính quyền Obama dù "thực tiễn" đến đâu cũng không thể làm khác, và lại tổng thống Obama đã bắt đầu bị đả kích là bỏ rơi các giá trị dân chủ. Cũng đừng nên quên vai trò áp đảo của xã hội dân sự Hoa Kỳ, trong đó các tổ chức bảo vệ nhân quyền rất mạnh.

Trong thế đối đầu không tránh khỏi với Trung Quốc, Việt Nam bắt buộc phải có sự hỗ trợ trực tiếp hay gián tiếp về quân sự của Hoa Kỳ và các nước phương Tây, và điều kiện để các nước này ủng hộ là phải thực hiện các quyền tự do chính trị. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt, Hoa Kỳ và phương Tây không còn lý do nào để bảo vệ một chế độ độc tài.

Thêm vào đó là nhận thức ngày càng rõ rệt, trong nhân dân và ngay trong lớp cán bộ, đảng viên cộng sản trẻ, rằng Việt Nam đã quá tụt hậu so với thế giới và cách duy nhất để khắc phục mối nguy

đảng, hay đòi chấp nhận đa nguyên đa đảng, v.v. nhưng sẽ rất mạnh và đều giống nhau ở một điểm là mở ra một giai đoạn đầy ẩn số. Trong khi đó, ban lãnh đạo xuất phát từ đại hội 11 sẽ chỉ có thể là một ban lãnh đạo yếu, gồm những người không có thành tích, không có



uy tín và cũng không có chung một tầm nhìn. Duy trì một chế độ toàn trị với những người lãnh đạo mờ nhạt là điều tự nó đã không thể được, càng không được trong hoàn cảnh sắp tới, sự ngoan cố chỉ làm tan vỡ đảng trước khi làm sụp đổ chế độ trong hỗn loạn. Dù đảng cộng sản muốn hay không muốn thì cũng sẽ bắt buộc phải có thay đổi chính trị lớn sau đại hội 11 theo chiều hướng rất thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ. Không thể khác.

Tuy nhiên, một trong những sự kiện nổi bật trong năm qua cũng là đối lập dân chủ đã rất lu mờ. Những phiên tòa và những bản án thô bạo đã không gặp phản ứng mạnh mẽ đáng lẽ phải có. Hình ảnh những người đối lập từng gây tiếng vang lên truyền hình nhận tội và xin khoan hồng tuy tố giác sự thô bỉ của chế độ nhưng cũng gây thất vọng, kể cả cho những tổ chức nhân quyền quốc tế thường yểm trợ phong trào dân chủ Việt Nam.

Phần lớn các tổ chức dân chủ yếu đi, nhiều tổ chức hầu như không còn hoạt động. Các kết hợp "á dân chủ" - của những người chủ trương dân chủ hóa bằng con đường hợp tác, điển hình là IDS - có lúc gây ảo tưởng hầu như đã tan biến hết.

Giữa những người được coi hoặc tự coi là dân chủ sự đoàn kết và đứng đắn cũng sút giảm một cách đáng buồn. Nhà văn nữ Trần Khải Thanh Thủy và chồng bị công an dẫn bọn côn đồ tới tận nhà hành hung. Thanh Thủy, đang mắc bệnh lao và tiểu đường ở mức độ nguy hiểm, bị đánh chảy máu đầu ; sau đó không phải bọn côn đồ mà chính Thanh Thủy bị bắt về tội đả thương và hiện vẫn còn bị giam. Vậy mà vẫn có những người "dân chủ" gửi thư lên mạng Internet nói rằng Thanh Thủy bị bắt là phải.

"Lu mờ" có lẽ còn là từ hơi yếu để chỉ tình trạng hiện nay của phong trào dân chủ Việt Nam, một tình trạng đang gây thất vọng và làm nhiều người bỏ cuộc.

Vậy thì lời cuối cùng của bài này xin được dành cho cuộc vận động dân chủ.

Nếu suy nghĩ một cách bình tĩnh thì tình trạng này thực ra đáng mừng. Nó là tình trạng *bắt buộc* phải có để cuộc vận động dân chủ có thể thành công. Một lực lượng đấu tranh để thay đổi lịch sử chỉ có thể thành hình và xây dựng trong gian khổ. Nếu cuộc đấu tranh cho dân chủ là một cuộc vui thì sẽ có những người nhập cuộc để mua vui. Thực tế cho thấy là vào những lúc mà cuộc vận động dân chủ có vẻ dễ dàng, rất nhiều người không hề có bản lãnh nhảy ra lập tổ chức, tung ra tuyên ngôn, cương lĩnh, thi đua gây tiếng vang và đánh lạc sự chú ý khỏi những cố gắng nghiêm chỉnh. Không thể làm được gì trong một tình trạng nhốn nháo như thế. Tình trạng này hiện nay đã chấm dứt và có nhiều hy vọng sẽ không tái diễn. Lịch sử của các quốc gia cũng đã chứng tỏ rằng các cuộc đấu tranh chính trị lớn chỉ thành công sau khi đã tập trung được lực lượng, nghĩa là sau khi những khó khăn và thử thách đã làm công việc sàng lọc của chúng. Chúng ta đang ở giai đoạn sàng lọc bắt buộc này.

Phong trào dân chủ đang trải qua mùa đông, nhưng mùa đông cũng chính là mùa mà những cây mảnh tích lũy nhựa sống để chuẩn bị đâm chồi nẩy lộc, đơm hoa kết trái.

Nguyễn Gia Kiểng



thua kém này là hợp tác chặt chẽ hơn nữa với các nước phương Tây và chấp nhận kiểu mẫu xã hội của họ.

Áp lực dân chủ hóa sẽ rất lớn trong xã hội cũng như trong đảng. Nó có thể biểu lộ dưới nhiều dạng : đòi bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin và đổi tên đảng, đòi dân chủ trong nội bộ

Tham luận

Không thể đánh thắng một địch thủ đầy quyết tâm

Nguyễn Văn Huy

Võ Nguyên Giáp, một huyền thoại

Sức khỏe của đại tướng Võ Nguyên Giáp sút giảm nặng. Gia đình đã đưa ông vào bệnh viện cứu cấp từ giữa tháng 12-2009, cho đến nay không một tin tức khả quan nào được tiết lộ.

Cái gì đã xảy ra ? Nhiều tin đồn nói ông đã qua đời nhưng thời điểm chưa thuận lợi nên đảng cộng sản và chính quyền chưa công bố. Nhưng dù có thế nào, không ai sống mãi với thời gian, vấn đề là làm sao để lại tiếng thơm cho đời sau nhắc tới.

Sinh ngày 25-8-1910, còn vài tháng nữa ông Võ Nguyên Giáp vừa đúng 100 tuổi. Sống lâu trăm tuổi, đó là lời chúc trường thọ mà người ta dành cho nhau trong những dịp lễ lạc vì ít ai phá kỷ lục sống lâu đến thế. (Tim đọc : "Võ Nguyên Giáp, một sự nghiệp đầy thăng trầm", Nguyễn Văn Huy, Thông Luận số 225, Paris, tháng 5/2008).

Võ Nguyên Giáp có lẽ là một biệt lệ trong quân sự quân Việt Nam về kỷ lục sống lâu, nhất là vẫn còn khỏe mạnh và minh mẫn vào lúc cuối đời. Giữa lúc những tướng lĩnh khác vui thú điện viền khi về hưu, Võ Nguyên Giáp vẫn tiếp tục lên tiếng trong cương vị một người đã từng có trách nhiệm. Không ai quên những cảnh giác của ông về Tổng Cục II (2004), vụ tham nhũng PMU18 (2006), bảo tồn khu di tích Thăng Long (2007), khai thác bauxite trên Tây Nguyên (2009). Không biết những ý kiến của ông đã ảnh hưởng như thế nào đến tập thể các cấp lãnh đạo đảng cộng sản và quân đội, nhưng có một điều chắc chắn là chính sách của đảng và nhà nước đã lặng lẽ chuyển sang những hướng mà ông Võ Nguyên Giáp đã đề nghị, nhất là về chiến lược quốc phòng.

Đối với cán bộ, quân nhân và đảng viên trẻ, Võ Nguyên Giáp là một huyền thoại sống. Ông là người cuối cùng trong đảng cộng sản sau cuộc chiến chống Pháp (1946-1954) còn sống cho đến cuối năm 2009. Cho dù những tiếng đồn về trận tấn công Điện Biên Phủ không do ông trực tiếp chỉ đạo, tài điều binh khiển tướng của ông không ai phủ nhận. Trong suốt hai cuộc chiến chống Pháp (1946-1954) và chống Mỹ (1960-1975), ông là tổng tư lệnh của hơn một triệu binh sĩ, với hàng trăm cấp tướng và hàng ngàn cấp tá, đó là chưa kể ông là người chỉ huy và phối hợp những phương tiện chiến tranh tối tân như hỏa tiễn phòng không SAM và những đơn vị tinh nhuệ như đặc công và tình báo. Cho đến nay, hào quang của ông vẫn còn chiếu sáng trong trung ương đảng và quân đội.

Người ta chỉ trích ông đã nướng hơn ba triệu thanh niên Việt Nam trong hai cuộc chiến Đông Dương vừa qua. Điều này đúng, vì ông là tổng tư lệnh quân đội trong suốt hai cuộc chiến đó, nhưng ông cũng như những cấp lãnh đạo cộng sản khác chỉ là những người thực hiện đường lối và chính sách của đảng cộng sản. Không có ông thì cũng có một người nào đó làm thay. Nhưng có một điều chắc chắn là ông không phải là người chủ trương tổng công kích Tết Mậu Thân (1968) làm thiệt mạng hơn 125.000 quân tinh nhuệ, hàng chục ngàn đồng bào bị chết vì bom đạn và hàng trăm phố phường bị phá hủy. Ông cũng không có vai trò nào trong cuộc tổng tấn công tháng 4-1975 mặc dù vẫn giữ chức bộ trưởng quốc phòng. Ông còn bị những đối thủ của ông hạ nhục bằng cách để cử vào chức vụ chủ tịch ủy ban sinh đẻ kế hoạch năm 1983. Trước mọi sóng gió, ông luôn luôn nhẫn nhục, nhường nhịn để bảo tồn bản thân và giữ gìn đảng. Đây là thái độ khôn ngoan của một nhà Nho, một tác phong mà ông đã được huấn luyện để trở thành quan lại theo truyền thống gia đình, nhưng số phận và định mệnh đã đưa ông sang một khía cạnh khác : một cán bộ cộng sản trung kiên. Cái may của ông là được viên mãn với lý tưởng đã chọn trong khi rất nhiều đồng chí và binh lính của ông đã bỏ mình



Cựu đại tướng Võ Nguyên Giáp

để thực hiện. Gần đây một phong trào trong đảng và quân đội đến vấn an và chúc thọ ông như để chuộc lại những lỗi lầm xưa.

Đối với dư luận nước ngoài, Võ Nguyên Giáp là một huyền thoại trong chiến tranh Việt Nam. Mặc dù không tốt nghiệp một trường quân sự nào, ông đã điều binh khiển tướng như một người đã từng được huấn luyện để chỉ huy. Điều làm nhiều cấp chỉ huy quân sự nước ngoài nể phục nhất nơi Võ Nguyên Giáp là, với những nông dân mộc mạc và những phương tiện thô sơ, ông đã làm "phép lạ" biến họ thành những chiến sĩ can cường, chiến đấu khôn ngoan để giành thắng lợi. Điều này không đúng với sự thật, vì Võ Nguyên Giáp chỉ là một bộ phận trong một guồng máy : đảng cộng sản. Chính đảng cộng sản đã chủ trương và huy động khối nhân lực khổng lồ này, nhưng dư luận phương Tây bất chấp. Những cấp chỉ huy hàng đầu của Pháp và Hoa Kỳ, khi so sánh với Võ Nguyên Giáp đều muốn kết bạn với ông như tìm thấy một cố tri.

Không phải tình cờ Võ Nguyên Giáp là vị tướng Châu Á được thế giới phương Tây nhắc đến nhiều nhất khi còn sống. Đây là điều khá hi hữu vì người ta nhìn ông không phải với cặp mắt đầy cảm tình của một đồng minh hiền lành mà là một đối thủ khôn ngoan và đáng ngại. Lý do của sự nể phục này là tính kỷ luật của quân đội cộng sản Việt Nam, trong suốt hai cuộc chiến vừa qua không có những cuộc tàn sát, khủng bố hay bắt cóc hiếp dâm đàn bà và trẻ em trong các thành phố như tại những nơi khác. Một lý do nể phục khác là Võ Nguyên Giáp không hề nao núng trước những địch thủ được trang bị tối tân và hùng hậu hơn nhiều lần, không những thế bộ đội của ông còn dám tấn công vào những thành trì kiên cố nhất để gây tiếng vang. Yếu tố sau cùng này có lẽ là lá bài tẩy làm thay đổi quan niệm quốc phòng của Pháp và Mỹ trong hai cuộc chiến vừa qua : không thể đánh thắng một địch thủ đầy quyết tâm. Điều này càng đúng với Trung Quốc.

Thay đổi thái độ đối với Việt Nam trên Biển Đông

Trong cuộc họp báo ngày 6-1-2010 tại Hà Nội, đại sứ đặc mệnh toàn quyền Trung Quốc tại Việt Nam, Tôn Quốc Tường, đã mở một cuộc họp báo giải thích mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Được hỏi về chủ trương giải quyết những tranh chấp trên Biển Đông, ông Tôn Quốc Tường nói rằng "nếu điều kiện chưa chín muồi, làm cản trở cho quan hệ hai nước thì điều cần phải làm và nên làm là gác lại vấn đề".

Gác lại vấn đề ? Theo ông Tôn Quốc Tường, "quan hệ Trung-Việt có ba vấn đề lịch sử để lại : phân định biên giới trên đất liền, phân định Vinh Bắc Bộ và giải quyết vấn đề biên giới trên biển. Hai bên đã cố gắng giải quyết hai vấn đề trước và chỉ còn lại vấn đề Nam Hải (Biển Đông). [...] Để giải quyết tranh chấp, hai bên cần xuất phát từ đại cục, toàn cục và lợi ích căn bản của nhân dân hai nước, tạm gác lại tranh chấp, không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường, thuận lợi của quan hệ hai nước. Tôi nghĩ đây là cách làm phù hợp nhất".

Ông nói tiếp : "Vấn đề nào cũng sẽ có mặt không thuận lợi. Lãnh thổ là vấn đề phức tạp, khó khăn. Lập trường, quan điểm giữa hai bên khác nhau nhiều. Điều quan trọng nhất là làm thế nào đối xử vấn đề tranh chấp và những quan điểm khác nhau. Lãnh đạo cao cấp Trung Quốc đã nêu ra một sáng kiến mang tính xây dựng, đó là gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác. Ý nghĩa của nó là không nhắc đến vấn đề tranh chấp mà hai bên có thể tiến hành hoạt động phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội của hai bên chúng ta. Bởi vì đó là lợi ích hai bên cùng có lợi và cùng chia sẻ".

Nhiệm vụ của ông Tôn Quốc Tường tại Việt Nam trong giai đoạn sắp tới là tiếp xúc với các cơ quan có trách nhiệm của Việt Nam để

thúc đẩy tiến trình hợp tác. Theo dự trù, lễ kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước sẽ được cử hành linh đình trong năm 2010. Ông Tôn Quốc Tường nói "kinh nghiệm quý báu nhất rút ra trong tiến trình 60 năm quan hệ Trung-Việt là hợp tác sẽ phát triển, đấu tranh sẽ thất bại" và hứa trong năm 2010 sẽ có nhiều cấp lãnh đạo cao nhất trong đảng và chính quyền Trung Quốc sang thăm Việt Nam.

Lý do gì Trung Quốc thay đổi thái độ một cách ngoạn mục như thế ? Có hai lý do, một gần và một xa. Lý do gần là trong năm 2010 này, Việt Nam đảm nhiệm vai trò chủ tịch ASEAN. Lý do xa là Việt Nam quyết định tân trang lại lực lượng quân sự, đặc biệt là hải quân.

Từ một vài năm trở lại đây, quan hệ trao đổi giữa Trung Quốc và ASEAN ngày càng sâu rộng, nhất là từ sau cuộc khủng hoảng tài chánh và kinh tế trong năm 2009 vừa qua. Tương lai và phồn vinh của Trung Quốc trong những năm sắp tới là tại Đông Á và Đông Nam Á chứ không phải tại các quốc gia phương Tây, châu Phi hay châu Mỹ. Theo Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc và ASEAN, đây là khu vực thương mại lớn nhất thế giới với gần 2 tỷ người, tổng sản lượng quốc nội gộp (GDP) lên tới 65.000 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu khoảng 4.500 tỷ USD. Bắc Kinh không thể tiếp tục làm áp lực mãi với Việt Nam trên Biển Đông vì sẽ gặp phản ứng chung của các quốc gia ASEAN bênh vực Việt Nam, do đó sẽ bất lợi cho Trung Quốc.

Cũng từ một vài năm trở lại đây, Việt Nam đang canh tân lại kho vũ khí để thích nghi với trào lưu chung tiến hóa của thế giới và mở rộng quan hệ hợp tác quân sự với những quốc gia trong vùng Châu Á - Thái Bình Dương. Nói cách khác, Việt Nam không muốn bị bỏ rơi trong cuộc chạy đua vũ trang trên toàn khu vực trước sự gia tăng ngân sách quốc phòng không có lý do chính đáng của Trung Quốc.Thêm vào đó, Bắc Kinh và Hà Nội cũng không mong gì hơn là giữ nguyên trạng tình hình trên Biển Đông như hiện nay vì khả năng phòng thủ và phản công của hai bên chưa hoàn chỉnh.



Huấn luyện đặc công

Xây dựng lại lực lượng tác chiến hiện đại

Sự lén lút của Việt Nam trước áp lực của Trung Quốc trên Biển Đông ngày càng lộ liễu, không còn nhún nhường và phản đối lấy lệ như trước đối với Bắc Kinh. Một mặt, Hà Nội tổ chức và tham dự nhiều buổi hội thảo về Biển Đông và không ngừng xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam. Mặt khác, Hà Nội công bố *Sách trắng quốc phòng Việt Nam 2009*, theo đó ngân sách dành cho quốc phòng năm 2008 là hơn 1,5 tỷ USD, tương đương 1,8% tổng sản lượng quốc nội gộp. Ngân sách 2009 và 2010 chắc chắn sẽ cao hơn 2008 nhiều lần, khoảng từ 3 đến 4 tỷ USD, vì Việt Nam dự trù trang bị và canh tân lại lực lượng hải quân và không quân.

Quyết tâm xây dựng lại lực lượng quân sự hiện đại và hiệu quả không phải tình cờ, nó là kết quả của những tranh cãi gay go trong nội bộ đảng cộng sản và quân đội từ nhiều năm qua. Chắc chắn là ý kiến của cựu đại tướng Võ Nguyên Giáp và những sĩ quan cấp tiến trong quân đội đã góp phần quan trọng vào quyết tâm này. Quân đội không chấp nhận cúi đầu nhẫn nhục mãi trước sự chèn ép của Trung Quốc trên đất liền và trên Biển Đông. Quyết tâm bảo vệ đất nước và tinh thần chiến đấu của quân đội rất cao, nhưng nếu xảy ra một cuộc xung đột vũ trang ngay trong lúc này thì thiệt hại sẽ cao vì thiếu trang bị và khả năng tác chiến chưa thích nghi với một cuộc chiến tranh hợp và hiện đại.

Từ thời lập quốc đến nay, lực lượng bảo vệ đất nước chính yếu của Việt Nam vẫn là lực quân, tức bộ binh. Vì chưa bao giờ là một quốc gia thực dân, Việt Nam không phát triển các lực lượng hải quân, không quân và tình báo. Xây dựng lực lượng bộ binh tương đối giản dị, thời gian huấn luyện không cần dài, trình độ kỹ thuật của người lính không cần cao và trang bị tác chiến cũng không cầu kỳ. Chỉ cần huấn luyện trong một vài tháng, hay lâu lắm là một năm, bắt cứ một thanh niên nào ở vùng nông thôn hay thành thị cũng có thể trở thành một người lính đánh bộ thiêng chiến, vì quen với thời tiết, địa hình và nhất là với

dân cư địa phương. Đây là một ưu điểm của lực lượng bộ binh Việt Nam trước bất cứ một đội quân nào đến từ nước ngoài. Nhưng từ vài chục năm trở lại đây, do không có chiến tranh, lực lượng bộ binh của Việt Nam trở nên lạc hậu vì những trang thiết bị đều cũ kỹ, tinh thần chiến đấu cũng suy giảm vì lo làm kinh tế nhiều hơn là quốc phòng. Canh tân lại lực lượng bộ binh là mà bắt buộc, trước hết là tinh giảm biên chế và chuyên môn hóa các đơn vị tác chiến, đặc biệt là xây dựng các lực lượng đặc công, thủy quân lục chiến và truyền tin. Pháo binh, kỵ binh và công binh đảm nhiệm vai trò hỗ trợ. Đây là nhiệm vụ của chính quyền trung ương ; các lực lượng địa phương quân và dân quân tự vệ do địa phương quản lý. Quân số 400.000 bộ binh hiện nay tuy hơi nhiều nhưng còn chấp nhận được, vì phải nghĩ tới chi phí nuôi dưỡng một lực lượng nhân sự khổng lồ này (lương bổng và di chuyển), đó là chưa kể chi phí tân trang và bảo trì những trang thiết bị kỹ thuật.

Điểm yếu của Việt Nam cần khắc phục gấp là các lực lượng hải quân, không quân và kỹ thuật. Đây là những lực lượng chiến đấu chính yếu trong tương lai, sự thắng bại tùy thuộc vào sự quyết tâm và những trang thiết bị và kỹ năng chiến đấu áp dụng. Chi phí dành cho ba lực lượng này rất cao, có thể chiếm hơn 2/3 ngân sách quốc phòng, vì phải nhập những khí cụ kỹ thuật cao cấp mà Việt Nam không sản xuất được và chi phí đào tạo nhân sự khá cao. Đây là một thiếu sót lớn mà các cấp lãnh đạo Việt Nam từ trước đến nay không hề nghĩ tới.

Với một dân số đứng hạng 13 trên thế giới và một bờ biển dài hơn 3.000 cây số, các chính quyền Việt Nam không hề đầu tư nghiên cứu sản xuất một hệ thống truyền tin hiện đại, một xuồng đóng tàu cận dương tiên tiến, một nhà máy sản xuất vũ khí tự động... Tất cả đều phải mua từ nước ngoài, với những giá rất đắt nhưng chỉ toàn là mua lại những kho vũ khí lỗi thời hay phế thải của nước ngoài. Không nên tự hào về những cài tiến từ những vũ khí nhập khẩu, đó chỉ là những mèo vặt không thể đi xa.

Thêm vào đó, các trường huấn luyện sĩ quan Việt Nam chưa đào tạo được những cấp sĩ quan có khả năng thích nghi với cuộc chiến tổng hợp hiện đại, nghĩa là phải nói thông thạo ít nhất một tiếng nước ngoài, kiến thức kỹ thuật ngang hàng với một kỹ sư sau khi tốt nghiệp, nhất là có một tầm nhìn chiến lược. Hơn nữa sự tuyển chọn nặng phần lý lịch hơn là kiến thức, do đó chỉ đào tạo ra những cấp thừa hành thiển cận và thiếu sáng kiến. Chính quyền nên tham gia tập trận với những quốc gia trong vùng Châu Á - Thái Bình Dương để những cấp sĩ quan Việt Nam quen dần với những kỹ thuật tác chiến tổng hợp thủy lục không quân. Những kinh nghiệm thu nhặt được trong những cuộc tập trận này sẽ là những đòn bài huấn luyện sĩ quan tương lai.

Việt Nam có nhiều nhân tài, nghĩa là có nhiều chất xám, nhưng rất tiếc là đất nước đã không tạo môi trường cho họ thi thoả tài năng nên đã bị nước ngoài thu hút. Phải nghiên cứu và đầu tư vào những kỹ năng quốc phòng trí tuệ, sử dụng nhiều chất xám hơn là nguyên vật liệu. Một công nghệ quốc phòng mà Việt Nam có thừa khả năng để thực hiện là nghiên cứu phát triển hệ thống truyền tin hiện đại qua vệ tinh và số học. Chí phí nghiên cứu và sản xuất có thể rất cao nhưng sẽ thu hồi lại dễ dàng qua xuất khẩu, nếu là những sản phẩm có hiệu quả kỹ thuật cao, dễ tái tạo lại nguồn vốn. Đây là sức mạnh của những cường quốc quân sự mà từ lâu được coi là bí mật. Một khả năng khác, cũng nằm trong tầm tay của người Việt Nam, là nghiên cứu sáng chế ra những hệ thống phóng phi đạn, hỏa tiễn tầm gần và tầm trung như Bắc Triều Tiên đã làm, vừa không tốn kém vừa tạo môi trường để sử dụng nhân tài Việt Nam. Nếu phát triển được hai lãnh vực này, hải quân và không quân Việt Nam sẽ tiết kiệm rất nhiều cho ngân sách.

Trước đề nghị của Trung Quốc là nên giữ nguyên trạng (status quo), nghĩa là không nhắc tới những tranh chấp trên Biển Đông, chính quyền cộng sản Việt Nam nên lợi dụng cơ hội này để canh tân và xây dựng những lực lượng tác chiến hiện đại để thích nghi với tình huống mới và sau đó đòi lại những vùng đất và hải đảo đã bị chiếm đóng.

Nguyễn Văn Huy

Thời sự Đông Á

Độc lập tư pháp hay công khai đối đầu ?

Nguyễn Minh

Ngày 29-12-2009, Akmal Shaikh, công dân Anh, 53 tuổi, bị hành quyết tại Urumqi, thủ phủ tỉnh Tân Cương, Trung Quốc, về tội vận chuyển và tàng trữ bạch phiến.

Vì là công dân nước ngoài, án tử hình dành cho Akmal Shaikh tương đối "nhân đạo" hơn những tội phạm gốc Trung Quốc. Thay vì bị bịt mắt, bịt miệng, tay chân và đầu bị cột vào một cọc dựng giữa pháp trường, hình một vòng tròn được dán trước trái tim để đội hành quyết nhắm bắn vào, sau đó đội trưởng đội hành quyết đến bắn phát "ân huệ" vào màng tang cho vỡ sọ để bảo đảm cái chết của tội nhân, Akmal Shaikh đã bị tiêm lethal (một loại thuốc độc tổng hợp cực mạnh) vào máu để chết không đau đớn.

Biến cố này đã gây một chấn động lớn trong dư luận các quốc gia dân chủ phương Tây. Ngoài làn sóng phản đối từ nước Anh, giới phân tích thời sự Đông Á cho đây là một thái độ công khai đối đầu trước áp lực của thế giới phương Tây mà Trung Quốc từ lâu đã phải chịu đựng. Sự thật như thế nào ?

Nguyên nhân vụ án

Akmal Shaikh là một công dân Anh gốc Pakistan, bị bắt tại phi trường Urumqi với 4 kílô bạch phiến (heroin) trong hành lý. Trong phiên tòa chớp nhoáng kéo dài trong 30 phút cuối năm 2007, Akmal Shaikh bị kết án tử hình về tội vận chuyển và tàng trữ bạch phiến. Trong suốt hai năm liền, từ đầu năm 2008 đến cuối năm 2009, chính phủ Anh đã 27 lần can thiệp và xin ân xá vì lý do tâm thần của tội nhân, nhưng không thành công.



Theo dõi kỹ vụ án, hành tung của nhân vật Akmal Shaikh có một cái gì không bình thường. Sinh ngày 5-4-1956 tại Pakistan, Akmal Shaikh theo cha vào Anh Quốc định cư. Lớn lên trong môi trường Hồi giáo tại Anh, Shaikh làm quen với một phụ nữ Ấn Độ giáo và lập gia đình với cô này sau khi từ bỏ đạo cũ để theo Hồi giáo. Trong cuộc hôn nhân này, Akmal Shaikh có hai con, một trai và một gái. Trong thập niên 1980, Shaikh cùng gia đình sang Hoa Kỳ lập nghiệp và sống bằng nghề mua bán nhà đất. Không thành công trong nghề này, ông đã dẫn vợ cùng hai con về London và sinh sống bằng nghề lái xe. Công ty chuyên chở nơi ông làm việc bị khánh tận, Akmal Shaikh mất việc. Năm 2003, Akmal Shaikh bị tòa án Lao Động tuyên phạt 10.000 bảng Anh về tội quấy rối tình dục với một nữ nhân viên. Không đủ tiền trả, Akmal Shaikh ly dị vợ năm 2004 và trốn sang Ba Lan lập nghiệp. Tại đây ông lập gia đình với một phụ nữ Ba Lan tại thành phố Lublin và có hai con. Để sinh sống, Akmal Shaikh sống bằng nghề lái taxi từ phi trường Warsaw đến Lublin và xuất khẩu thịt trừu từ Lublin vào Anh quốc. Ông còn xin hội đồng thành phố Lublin cho phép xây một nhà thờ Hồi giáo và làm nhạc ca tụng Allah (Thượng Đế của người Hồi giáo). Theo hai nghệ sĩ người Anh phụ trách thu thanh, Paul Newberry và Gareth Saunders, Akmal Shaikh không có một năng khiếu nào về âm nhạc nhưng cứ tự cho là có tài âm nhạc.

Năm 2007, theo lời khai của Akmal Shaikh, ông được một người tên Carlos, tự nhận là có quen biết lớn với giới xuất bản âm nhạc và có thể đưa Akmal Shaikh trở thành một ca sĩ nổi danh tại Trung Quốc. Tin theo lời, Akmal Shaikh quyết định sang Trung Quốc lập nghiệp, ông đã lẩn lướt đi qua các quốc gia Hồi giáo Trung Á như Kyrgyzstan, Tajikistan để vào Turkistan phương đông (Tân Cương, Xinjiang). Tại sao chọn Tân Cương để lập nghiệp, đó còn là một dấu hỏi lớn.

Tại Kyrgyzstan, Akmal Shaikh làm quen với Okole, một người tự xưng là chủ nhân một phòng trà ca nhạc tại Urumqi, thủ phủ Tân Cương, và đưa Akmal Shaikh vào những khách sạn 5 sao cung ngự để chứng tỏ sự giàu có của mình. Đến thành phố Dushanbe, thủ phủ

Tajikistan, viện có hết chỗ trên máy bay, Okole nhờ Akmal Shaikh mang giùm một vali và hẹn gặp lại tại Urumqi trong chuyến bay sau.

Ngày 12-9-2009, nhân viên hải quan phi trường Urumqi khám xét và phát hiện 4 kí lô heroin giấu trong hành lý của Akmal Shaikh. Khi bị hỏi, Akmal Shaikh xác nhận là không biết gì cả vì chỉ mang giùm hành lý cho một người vừa mới quen sẽ đến trong chuyến bay kế tiếp. Sau một thời gian chờ đợi, người mới quen này không bao giờ tới, Akmal Shaikh bị tống giam và kết tội tàng trữ bạch phiến. Akmal Shaikh cho rằng ông vô tội vì là nạn nhân của một băng đảng buôn bạch phiến tại Đông Âu. Lập luận này không thuyết phục được hội đồng xử án, Akmal Shaikh bị tuyên án tử hình. Theo bộ luật hình sự hiện hành tại Trung Quốc, chỉ cần tàng trữ trong người 50 gram bạch phiến là đủ để lãnh án tử hình.

Trong khi đó, theo một nguồn tin tình báo, năm 2005 Akmal Shaikh đã bị hai cơ quan tình báo British MI5 (Anh) và ABW (Cơ Quan An Ninh Nội Địa Ba Lan) bắt giam vì tình nghi khủng bố. Một thông điệp trên mạng internet kêu gọi những người Hồi giáo hãy làm thánh chiến (jihad) và "đánh bom London 7/7" (London's 7/7 bombings), do Akmal Shaikh gửi đi từ Ba Lan, bị phát hiện. Tin này đã được dài truyền hình Ba Lan truyền đi trong tháng 12-2005. Người vợ Ba Lan liên hợp tác với cơ quan an ninh Ba Lan để cung cấp những tin tức cần thiết về Akmal Shaikh và xin khoan hồng cho chồng (vì không muốn hai đứa con của bà có một người cha mang tội khủng bố), tòa án đổi thành tội uống rượu lái xe và phạt một năm tù treo. Năm 2006, người vợ gốc Ba Lan xin ly dị, tòa án Ba Lan buộc Akmal Shaikh mỗi tháng đóng tiền cорм cho con, nhưng ông đã rời Ba Lan và trốn sang Trung Á.

Qua những thông tin không trực tiếp này, án tử hình dành cho Akmal Shaikh tại Urumqi và thái độ làm ngơ trước những yêu cầu khoan hồng của chính quyền Anh và các tổ chức phi chính phủ (NGO) có những nguyên do thầm kín không tiện nói ra.

Ngăn chặn cuộc nổi dậy của người Hồi giáo Tân Cương

Viện có một tội danh hình sự để tuyên những bản án nặng nề đối với những người tình nghi gây bạo loạn là sở trường của những chính quyền độc đoán. Chắc chắn trong vụ án này, Akmal Shaikh không phải là vô can. Ước muốn trở thành một ca sĩ Hồi giáo trong một phòng trà ca nhạc tại Tân Cương là một lý do không đứng vững, vì Akmal Shaikh biết nói tiếng Uighur. Thêm vào đó, vì tin người và mang giùm hành lý mà không biết trong đó có gì đối với một công dân Châu Âu, nhất là người Anh, là một lý do khác không có tính thuyết phục : trong các nhà ga, bến xe, phi trường những khẩu hiệu kêu gọi không nhận và phát hiện hành lý của người lạ diễn ra hàng ngày. Hơn nữa, lấy tiền đâu để trang trải chi phí du hành sang Tân Cương khi phải trốn chạy khỏi nơi sinh trú vì không trả nổi tiền nuôi con, đó là chưa kể cuộc sống khá vương giả của ông khi vào tạm nghỉ trong những khách sạn hạng sang. Hành tung của Akmal Shikh rất là bí ẩn.

Hiện nay Bắc Kinh đang lo sợ một cuộc nổi dậy của người Hồi giáo Tân Cương với sự tiếp tay của những nhóm Hồi giáo quá khích tại Trung Á, đặc biệt là tại các quốc gia Pakistan, Kyrgyzstan và Tajikistan. Đó là ba quốc gia dính líu đến gốc gác và cuộc hành trình của Akmal Shaikh mà Trung Quốc theo dõi rất kỹ luồng người ra vào.

Từ sau 2001 đến nay, sau khi sào huyệt của nhóm Hồi giáo cực đoan tại Afghanistan bị phá vỡ, tàn quân Al Qaeda và Taliban tìm cách thành lập những căn cứ mới tại những quốc gia lân cận để tiếp tục thánh chiến với những kẻ "ngoại đạo", tức những người không theo đạo

Hồi. Không phải tình cờ sau năm 2001 những cuộc chống đối người Hán tại Tân Cương trở nên thường xuyên và qui mô hơn trước, chắc chắn phải có bàn tay những nhóm Hồi giáo quá khích nhúng vào mà tình báo Trung Quốc đang tìm cách phá vỡ. Cái mà Bắc Kinh lo sợ là sự ly khai hay tuyên bố độc lập của tỉnh tự trị này.

Không phải tình cờ mà Bắc Kinh thi hành chính sách đưa người Hán ô ạt vào Tân Cương lập nghiệp. Trước kia người Hán chỉ là một nhóm thiểu số trên lãnh thổ này, nhưng từ sau 2001 đến nay số người Hán ngày càng đông. Nếu không có gì thay đổi, đến năm 2015 người Uighur sẽ trở thành thiểu số trên chính quê hương của họ. Ưu tư chính của Bắc Kinh là làm sao giải thích trước dư luận quốc tế chiến lược "tầm ăn dâu" này trên vùng Tân Cương.

Trung Quốc chưa phải là một quốc gia dân chủ nên vấn đề đối thoại hay thương lượng với những người chống đối không hề đặt ra. Cách giải quyết xung đột là dùng bạo lực trấn áp bạo động. Trong cuộc xuống đường đòi công lý của người Uighur tại Urumqi đầu tháng 7-2009 vừa qua, làm hơn 200 người thiệt mạng, chính quyền Tân Cương đã bắt hơn một ngàn người và hàng chục người đã bị tuyên án tử hình. Cách hành quyết người Uighur bị kết tội bạo loạn đã không nhân đạo như đối với Akmal Shaikh, kể cả đối với phụ nữ : tội nhân bị đem bêu trước đám đông, sau đó bị buộc quỳ xuống, lưng bị hai công an đập ra phía trước và hai cánh tay bị kéo ngược ra sau, một công an trong đội hành quyết chĩa súng vào sau áy bóp cò : óc, thịt da trên mặt mũi và máu văng tung tóe ra phía trước. Bắc Kinh tin rằng sự hung bạo trong trường phật sẽ làm chôn bước những người Uighur chống đối nhưng lại quên rằng, đối với người Hồi giáo, chết vì đạo là một vinh dự lớn để vào nước thiêng đàng.



Tân Cương hiện nay như một trái bom nổ chậm, bề ngoài tuy để cõi yên bình nhưng bên trong sôi sục cả một nỗi thuốc súng. Không một người Uighur nào không bị người Hán phân biệt đối xử, từ trong sinh hoạt thường ngày ngoài đường phố đến trong quan hệ nghề nghiệp. Đó là chưa nói đến một tôn giáo mà người Hán rất nghi kỵ : đạo Hồi. Đối với người Hán, những ai phụng sự một tôn giáo không cùng văn hóa với họ là "tà đạo". Trong quá khứ, người Hán (cũng như những triều đại chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa như Đại Hàn, Nhật Bản và Việt Nam) đã tàn sát người Thiên Chúa giáo vì bị cho là tà đạo. Tình trạng này đang xảy ra với người Hồi giáo Tân Cương.

Vụ hành quyết Akmal Shaikh, một công dân Anh gốc Pakistan, là một thí dụ điển hình. Akmal Shaikh mà một tín đồ Hồi giáo, đã từng kêu gọi thánh chiến, bí mật vào Tân Cương với 4 kílô bạch phiến để làm gì, nếu không muốn nói là để tổ chức bạo loạn vì có giá trị kinh tế cao. Bạch phiến gần như là phương tiện trao đổi giữa những phe phái ngoài chính quyền. Chính vì thế Bắc Kinh muốn sử dụng Akmal Shaikh như một trường hợp để răn đe, bất chấp những can thiệp và đề nghị xin ân xá của chính phủ Anh và các hội đoàn nhân đạo quốc tế. Lý do được đưa ra là công pháp Trung Quốc độc lập, dù sáng suốt và công minh để xử phạt và thi hành án. Đối với người Trung Quốc, đây là một vụ án hoàn toàn nội bộ, liên quan đến sự an toàn của người Hán trên một lãnh thổ đầy bất trắc.

Theo một truyền thống có từ thời Tân Thủy Hoàng đầu công nguyên, người Hán phải tỏ ra cứng rắn đối với những bộ tộc sinh sống vùng ngoại vi. Thái độ này cho đến nay vẫn không hề thay đổi. Thực ra vụ hành quyết này là để ngăn ngừa và răn đe những tay súng Hồi giáo quốc tế xâm nhập vào Tân Cương tiếp tay người Uighur chống lại Bắc Kinh. Sự xâm nhập này đã xảy ra tại Afghanistan, Iraq, nay đang tiếp tục tại Yemen. Nhưng sự cứng rắn của Bắc Kinh còn có một lý do khác : phục hồi hào quang của một quá khứ huy hoàng.

Phục hồi niềm tự hào dân tộc

Dư luận phương Tây đã rất phản nồng trong vụ hành quyết Akmal Shaikh. Đây là lần đầu tiên từ 58 năm qua một công dân Châu Âu bị hành quyết tại Trung Quốc. Trước đó, năm 1951 đội hành quyết Bắc

Kinh đã xử bắn hai người nước ngoài về tội ám mưu ám sát Mao Trạch Đông và ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc, đó là đại úy không quân Antonio Riva, người Ý, và Ruichi Yamaguchi, người Nhật.

Từ sau ngày đó đến nay, Bắc Kinh luôn luôn tỏ ra nhân nhượng trước những yêu cầu khoan hồng của các quốc gia phương Tây khi công dân của họ vi phạm luật pháp Trung Quốc. Lý do là Trung Quốc rất cần sự giúp đỡ của phương Tây trong việc canh tân đất nước, nhất là từ sau khi Mao Trạch Đông qua đời năm 1976, lúc đó Trung Quốc còn là một quốc gia nghèo nàn và lạc hậu. Trong suốt thời gian từ thập niên 1980 đến nay, Bắc Kinh tỏ ra nhún nhường và dễ dãi với tất cả những quốc gia nào vào đầu tư và chuyển giao kỹ thuật cho Trung Quốc.

Nhưng sau gần 30 năm cố gắng, Bắc Kinh đã tự cảm thấy đủ mạnh và không muốn nhượng thêm nữa. Không những thế, Bắc Kinh còn muốn chứng tỏ với thế giới rằng Trung Quốc hiện nay một siêu cường quốc kinh tế và quân sự, đủ khả năng đối đầu với bất cứ siêu cường nào khi quyền lợi bị va chạm. Thái độ này biểu hiện trong các phiên họp của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, Bắc Kinh thường hù dọa bỏ phiếu phủ quyết (veto) những quyết nghị do Hoa Kỳ hoặc các quốc gia phương Tây đưa ra, như các vấn đề Darfur, Iran, Bắc Triều Tiên, Trung Đông... nếu những yêu sách của Bắc Kinh không được tôn trọng. Trong những quan hệ song phương, Bắc Kinh thường làm áp lực với các quốc gia phương Tây, kể cả với Hoa Kỳ, đòi sự nhượng bộ trong các vấn đề nhân quyền và vai trò của Dalai Lama tại Tây Tạng, đổi lại họ sẽ ký những hợp đồng hợp tác thương mại béo bở.

Người Trung Quốc nói chung đã rất hâm mộ về những thành tựu mà quốc gia họ đã đạt được trong một thời gian kỷ lục : 30 năm họ đã bắt kịp và tiến hóa của các quốc gia phát triển nhất thế giới. Mặc cảm thua kém thế giới phương Tây đang được tẩy rửa khỏi ký ức tập thể, đối với nhiều người công lao này thuộc về Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Trung Quốc đang phục hồi ngôi vị "quốc gia trung tâm" của "thế giới thứ ba".

Nhắc lại, khi chưa tiếp cận với thế giới phương Tây, Trung Quốc đã là quốc gia trung tâm và an vị với ngôi vị đó tại Đông Á trong suốt hai ngàn năm, từ thế kỷ II trước công nguyên đến giữa thế kỷ 19. Chính phương Tây đã tìm đến Trung Quốc và đã thay đổi hẳn cái nhìn của người Trung Quốc đối với thế giới. Lần đầu tiên vào giữa thế kỷ 16 khi các giáo sĩ Công giáo đổ bộ lên các vùng bờ biển Nam Hoa để rao giảng Phúc Âm, nhưng họ đã thất bại vì không cải hóa được những người thám nhuần văn hóa Khổng Mạnh. Lần thứ hai, trong thế kỷ 19 khi các đế quốc thực dân làm áp lực buộc Trung Quốc mở cửa buôn bán với phương Tây, đặc biệt là nhập khẩu thuộc phiến và luôn cả nền văn hóa phương Tây. Trong giai đoạn này, vương triều Nhật đã canh tân theo khuôn mẫu phương Tây và thành công, đầu thế kỷ 20 Nhật đã trở thành một cường quốc kinh tế lẩn quân sự, trong khi Trung Hoa vẫn còn là một quốc gia nghèo nàn và yếu kém. Sự lãnh đạo của đảng cộng sản Trung Quốc trên toàn lực địa năm 1949 càng dẫn Trung Quốc lùi sâu vào chật hẹp, chỉ sau khi Mao Trạch Đông qua đời năm 1976 và Đặng Tiểu Bình lên thay từ 1978 đến 1992, Trung Quốc mới khởi sắc như ngày hôm nay.

Từ sau khi Đặng Tiểu Bình qua đời năm 1997, ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc lâm vào bế tắc : tiếp tục nhún nhường để tiếp thu những tinh hoa và hợp tác với phương Tây để cùng tiến như Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan và Singapore đã làm, hay biểu lộ thái độ nước lớn trước các vấn đề thế giới và khu vực ? Có nhiều sắc suất là Bắc Kinh đang chọn thái độ thứ hai. Các quốc gia phương Tây rất e ngại chọn lựa sau cùng này, vì nó sẽ dẫn đến đối đầu. Câu nói bất hủ của Napoléon I : "Khi đế quốc Trung Hoa thức giấc, thế giới sẽ bị rún động" vẫn còn ám ảnh tâm trí những nhà lãnh đạo phương Tây. Một chiến lược để phòng và ngăn chặn đang được bắt đầu.

Nguyễn Minh (Tokyo)



Đọc báo trong nước

Những chuyện vui buồn

Lữ Giang

Cuối năm 2009, các cơ quan truyền thông có kể lại nhiều chuyện vui buồn ở trong nước. Xin ghi lại một số chuyện để cùng nhau suy nghĩ. Những câu chuyện này đều được chúng tôi viết lại cho độc giả dễ đọc hơn.

Nghị lực phi thường của cô bé "tí hon"

Báo Công An Nhân Dân online ngày 31-12-2009, có kể lại chuyện một cô gái phi thường ở Quảng Nam, đó là cô Trương Thị Thương.

Năm nay cô Thương đã 20 tuổi, nhưng dáng người thấp cùn, khó nhìn, chỉ cao 50 cm và nặng 13 kg. Tuy nhiên, cô được thầy giáo, cô giáo cũng như bạn bè biết đến như một tấm gương sáng về tinh thần vượt khó trong học tập. Cô đang là học sinh lớp 11C5 của Trường Trung Học Phổ Thông Chu Văn An ở Quảng Nam.

Bà Lương Thị Huệ, mẹ của cô Thương kể lại : Thương lọt lòng mẹ không cất tiếng khóc chào đời, với hình dán làm nhiều người kinh hãi, còn bà thì nước mắt đầm đìa. Bà cho biết : "Khi đó, mọi người khuyên tôi nên đem nó đặt ngoài đường, ai thương thì nhặt đem về nuôi. Tôi một mực không chịu, vì đó là giọt máu mà tôi đứt ruột sinh ra".

Tuy nhiên, cô bé tật nguyền tưởng chừng "bỏ đi" đó đang làm được những điều mà nhiều người bình thường ở vùng quê nghèo như vùng quê của cô rất khó làm được : Theo đuổi giấc mơ vào đại học !

Tuổi thơ, Thương lớn lên với đôi chân mềm nhũn không thể đi lại, lê lết khắp góc nhà trẻ, lủi thủi chơi một mình. Phải lên đến 6 tuổi, em mới biết ngồi và biết nói. Bà Huệ cho biết : "Đến tuổi tới trường, nó cứ nắng nặc đòi đi học. Sở nó không theo kịp bạn bè, nhưng vì muốn con vui nên chúng tôi cũng chiều nó".

Từ đó, hàng ngày Thương được bố là ông Trương Công Bảy đưa đi đến lớp và đón về. Được đi học, Thương vui cười suốt ngày. Hai năm sau, bố Thương đổ bệnh nằm liệt giường, mọi công việc đè nặng lên vai mẹ em. Thương phải gián đoạn việc học mất 3 năm. Sau khi bố đỡ bệnh, Thương lại được tới trường.

Dù ngày hè oi ả hay mùa đông lạnh giá, mọi người vẫn thấy Thương nambi trong đôi tay của bố đều đặn đến trường. Những sinh hoạt thường ngày, em phải cần đến sự giúp đỡ của người khác. Bà Huệ, mẹ em Thương giải thích : "Lúc còn nhỏ, trong khi vui đùa, Thương bị gãy mất cánh tay trái. Gia đình quá khó khăn nên tôi chỉ bó tạm bằng lá thuốc tự kiếm, cánh tay em từ đó cũng vĩnh viễn bị tật nguyền. Giờ nó chỉ còn mỗi cánh tay phải hoạt động còn toàn thân thì mềm nhũn".

Ở trường, Thương chỉ ngồi một chỗ dõi mắt theo các bạn vui đùa một cách thèm thuồng. Nhưng niềm đam mê con chữ đã xoá tan đi những u buồn, chán nản trong em. Những lúc rảnh rỗi, Thương còn hướng dẫn câu em út học bài.

Với một cơ thể bị tật nguyền bẩm sinh, Thương thường xuyên phải đối mặt với những cơn đau hành hạ. Thương cho biết : "Lúc trái gió trở trời là toàn thân em đau nhức, những lúc đó em cảm thấy rất chán nản và muốn buông xuôi tất cả. Nhưng nhìn thấy bố đau ốm liên miên, mẹ lại tất bật suốt ngày, em lại lao vào học tập để quên đi sự đau đớn ấy".

Hàng ngày, em vẫn "chạy đua" cùng các bạn đồng trang lứa, để rồi giấc mơ giảng đường đại học trong em ngày một gần hơn. Trong các môn học, Thương thích nhất là môn tin học với ước mơ sau này có thể trở thành một kỹ sư máy tính.



Cô Trương Thị Thương

Ông Lê Phước Xưng, hiệu trưởng Trường THPT Chu Văn An cho biết : "Không được bình thường như bạn bè nhưng Thương rất yêu đời, lạc quan và vui tính. Chúng tôi nhận thấy ở em một nỗ lực vươn lên rất lớn trong học tập".

Tuy nhiên, con đường chinh phục ước mơ của em còn quá nhiều chông gai. Cơn bão số 9 quét qua các tỉnh miền Trung vừa rồi đã cuốn đi bao nhiêu tài sản của gia đình, chiếc máy tính để bàn cũ rích, "người bạn thân nhất" của em, cũng trôi theo dòng nước lũ.

Bà con làng trên xóm dưới thấy Thương nỗ lực học hành, cung ra sức động viên, giúp đỡ. Điều đó làm cho Thương dần quên đi những mặc cảm, chán nản của bản thân. Nói đến giấc mơ và hy vọng của mình, Thương tâm sự : "Em chỉ mong cho bố hết bệnh, mẹ đỡ vất vả hơn. Em mong mình ít bị đau ốm, đâu óc luôn minh mẫn để tiếp tục việc học hành, sau này có thể tự lo lắng cho bản thân !".

Chuyện một cô gái bị lừa bán ở Lạng Sơn

Cũng trên báo Công An online ngày 31-12-2009, một chuyện đau buồn khác cũng đã được tường thuật lại.

Cô Hà Thị Thanh H. sinh ra trong làng quê nghèo heo hút của xã Long Thành, tỉnh Yên Bái. Nhà nghèo, nên học đến lớp 7 cô phải bỏ học giữa chừng để đi làm phụ hồ xây dựng giúp đỡ bố mẹ. Chưa từng ra khỏi làng để đi bất cứ đâu, vì thế đối với cô xung quanh đều lạ lẫm và mới mẻ. Vì vậy khi được một người con trai vừa đến làm trong đội phụ hồ rủ về quê anh ta ở Thái Nguyên chơi, cô gái mới lớn vô cùng phấn khích. Sợ bố mẹ không cho đi, cô liền bí mật trốn đi.

Cô không bao giờ quên được cái ngày hôm ấy, ngày 27-4-2008, ngày đã khiến cho cuộc đời cô thay đổi hoàn toàn. Cô cho biết sáng sớm hôm ấy, cô và anh Đại đã ra bến xe Yên Bái để cùng đi Thái Nguyên. Vừa về đến bến xe Thái Nguyên, đã có ông chú của anh ta ra đón. Cô thấy họ thật chu đáo, nhưng không ngờ rằng họ đã chuẩn bị sẵn một cái bẫy hoàn hảo để đem cô đi bán. Người chú đã rủ cả hai đi lèn biên giới chơi, tiện thể lấy hàng, cô cũng không may nghi ngờ, liền vui vẻ lèn đường. Sau một chặng đường dài chuyển đến mấy lượt xe, họ cũng đến biên giới. Một nhưng sự háo hức vẫn không rời đi trong lòng cô gái trẻ. Họ cùng vượt dải để sang Trung Quốc. Một chiếc xe taxi chờ sẵn đưa họ về một nơi có rất nhiều dãy nhà trọ, và cô thấy mọi người nói bằng một thứ tiếng mà cô lần đầu tiên mới được nghe. Cho đến khi cô bị nhốt vào trong phòng kín, một bà nói tiếng Việt mới xuất hiện và nói cho cô biết bà ta đã mua cô bằng rất nhiều tiền, cô mới hay mình đã bị bán vào nhà chứa.

Mỗi ngày cô chỉ được ăn một bữa, hằng đêm chúng đưa cô đi tiếp khách và canh chừng rất kỹ lưỡng. Nhiều lúc cô chỉ nghĩ đến cái chết. Nhưng nghĩ đến bố mẹ ở quê nhà, nghĩ đến những kẻ đã lừa bán mình, cô đã bỏ trốn nhiều lần, song đều bị bắt trở lại, bị đánh đập dã man.

Có lần đi tiếp khách, cô đã xin gọi nhờ điện thoại và cô đã gọi về được cho gia đình ở quê. Nhờ vậy, bố mẹ cô biết được con mình đã bị bán sang Trung Quốc nên đi trình báo Công an tỉnh Yên Bái. Từ những thông tin do Công an tỉnh Yên Bái cung cấp, Phòng Cảnh Sát Điều Tra tội phạm ở tỉnh Lạng Sơn đã mở cuộc truy tìm thủ phạm. Sau nhiều ngày điều tra, Công an Lạng Sơn đã xác định được địa điểm cô Hà Thị Thanh H. bị giam giữ và tổ chức phối hợp với Công an thị trấn Bằng Tường ở Trung Quốc giải cứu cho nạn nhân.

Vào hồi 16 giờ (giờ Bắc Kinh) và 15 giờ (giờ Việt Nam) ngày 28-12-2009, tại cửa khẩu Tân Thanh ở Pò Chài, cô Hà Thị Thanh H. được tiếp nhận về Việt Nam. Đây là trường hợp nạn nhân bị lừa bán

thứ 48 được Phòng CSDT tội phạm tỉnh Lạng Sơn giải cứu trong năm qua.

Cô Hà Thị Thanh H., 19 tuổi, cho biết khi đã trở về đến Phòng CSDT tội phạm Công an tỉnh Lạng Sơn rồi mà cô vẫn cứ ngỡ mình đang mơ.

Ngày 26-7-2008, kẻ buôn người là Nguyễn Trọng Đại, 20 tuổi, hộ khẩu thường trú ở Quận Chu, Đại Từ, Thái Nguyên, đã bị lực lượng Công an Lạng Sơn bắt quả tang ngay tại đường biên giới khi đang đưa một cô gái khác đi bán. Hắn khai nhận cùng với hai đối tượng giả danh làm ông chú họ đã lừa bán tổng cộng 7 cô gái, trong đó có em Hà Thị Thanh H. ở Yên Bai.

Phó chủ tịch huyện đánh bà già

Báo *Thanh Niên online* kể lại : Ngày 31-12-2009, bà Lê Thị Chiếm, 60 tuổi, ngụ ở thị trấn Mộc Hóa, Long An, cho biết ông Trần Hoài Bảo, Phó chủ tịch UBND huyện Mộc Hóa đã đến nhà bà để đưa 5 triệu đồng gọi là bồi thường thiệt hại và xin bà rút đơn tố cáo hành vi đánh dân của ông.

Nguyên do là ngày 24.12.2009, bà Chiếm dắt hai cháu ngoại đến Nhà văn hóa thiếu nhi Huyện Mộc Hóa chơi trò ngồi trên vịt điện tử. Do người quá đông, bà Chiếm không thể chen mua vé đành nhờ một người đàn ông đứng gần mua hộ. Bà Chiếm vừa mở lời nhờ mua giúp thì ông ta nạt nộ bằng lời lẽ thiếu tế nhị. Trong lúc lời qua tiếng lại, người này vung tay đấm thẳng vào mặt bà chảy máu. Đánh xong, ông ta thách thức bà Chiếm đi kiện tại UBND Huyện Mộc Hóa, vì ông là đương nhiệm chức vụ Phó Chủ Tịch UBND huyện này !

Sau khi đến bệnh viện điều trị xong vết thương, bà Chiếm gửi đơn đến các cơ quan pháp luật tố giác hành vi đánh dân của ông Bảo. Khi có đơn tố giác, ông Bảo mới mang tiền đến nhà bà Chiếm bồi thường thiệt hại và xin lỗi.



Câu chuyện "nó"

Báo *Tuổi Trẻ online* hôm 5-1-2010, 08:08 có đăng câu chuyện "Nó" như sau :

Quê nó ở Quảng Trị, một vùng đất hẹp miền Trung quanh năm đầy gió Lào và cát trắng. Năm ngoái nó đậu đại học ở Hà Nội, một miền đất xa xôi, lạ lẫm mà nó chưa đến bao giờ. Ở đây, dần dần nó cũng quen với nhiều bạn bè và cuộc sống chốn phồn hoa.

Đối với những đứa bạn đa số là người miền Bắc này thì giọng nói của nó nghe rất lạ tai. Lần đầu vào lớp, nó tới gặp một số bạn để làm quen : "Chào mấy bạn, miềng là Cường tới từ Quảng Trị, cho miềng làm quen nhé, các bạn tên chi rứa ?". Lập tức bao nhiêu ánh mắt đổ dồn về phía nó, nhìn nó như người ngoài hành tinh xuất hiện. Nó đỏ mặt, chạy về chỗ ngồi, mặt cúi gầm chẳng dám nhìn ai cả.

Đang ngại ngùng bỗng có người tiến về phía nó, nhẹ nhàng hỏi : "Bạn đến từ miền Trung hả ? Chào bạn, mình là Hương, mình thích đến miền Trung chơi lắm nhưng chưa có dịp, bạn kể cho mình nghe về nơi đó nghe, chúng ta kết bạn nhé".

Nó ngạc nhiên mắt lên, đó là một cô gái có khuôn mặt dễ thương hiền lành. Nó khẽ mỉm cười rồi gật đầu nói : "Ừ, rửa à, cảm ơn bạn".

Lần đầu tiên ba tỉnh miền Bắc được phép cử hành Giáng Sinh

Theo bản tin của hãng thông tấn *Ucanews* ngày 29-12-2009, Đức Cha Vũ Huy Chương, Giám mục Hưng Hóa, cho biết chính quyền tỉnh Điện Biên đã chính thức mời ngài đến trụ sở và cho phép các tín hữu địa phương được tự do tham dự các cuộc cử hành trong dịp Lễ Giáng Sinh.

Trong quá khứ, chính quyền địa phương tại ba tỉnh Điện Biên, Sơn La và Lai Châu kiểm soát chặt chẽ các sinh hoạt tôn giáo và không cho các linh mục đến cử hành thánh lễ, kể cả Lễ Giáng Sinh. Đức Cha Chương nói rằng năm nay ngài đã làm đơn từ đầu tháng 12 năm 2009

để xin phép cử hành thánh lễ cho giáo dân tại ba tỉnh này. Trước đây chính quyền địa phương không trả lời hay không muốn gấp gáp ngài.

Đây là lần đầu tiên ngài có thể dâng lễ Giáng Sinh cho khoảng 500 giáo dân tại tư gia của hai người Công giáo. Linh mục Nguyễn Trung Thoại cử hành lễ Giáng Sinh cho khoảng 1.500 người tại ba nơi trong tỉnh Sơn La, còn Linh mục Phạm Thanh Bình, cha xứ Sơn La trong tỉnh Lào Cai, cũng đã dâng thánh lễ Giáng Sinh cho khoảng 700 người trong tỉnh này.

Đức cha Chương nói rằng ngài hy vọng trong tương lai Giáo hội địa phương sẽ được phép xây nhà thờ và cử linh mục đến phục vụ người Công giáo tại ba tỉnh nói trên.

Theo các số liệu được Toà Giám Mục Hưng Hóa cung cấp, các tỉnh Điện Biên và Sơn La mỗi tỉnh có khoảng 2.000 người Công giáo. Riêng tại Lai Châu chỉ có khoảng 1.000 người. Ngài nói : "Vì sự chính quyền, nhiều người vẫn chưa dám thực hành đạo công khai".

Được biết vào thập niên 1960, người Công giáo từ các tỉnh Nam Định và Thái Bình đã đến lập nghiệp tại ba tỉnh này.

Theo chân Tổng Giám Mục Hà Nội lên rừng dâng lễ Noel

Đoàn chúng tôi rời Hà Nội khi trời bắt đầu về chiều, vượt qua những đoạn đường đầy xe cộ ồn ào bụi bặm, xe đưa chúng tôi lên vùng núi Hòa Bình. Dọc đường đi, thảng hoặc qua các xứ đạo mới thấy không khí Noel với đèn ông sao trang hoàng quanh các nhà thờ, trước cửa gia đình giáo dân, còn núi rừng vẫn âm u xám xịt bởi trời chiều thiếu nắng. Trên tuyến đường, những chiếc xe máy phóng ào ào bất tử, không mủ không nón, chở ba người cứ lao vùn vụt, những con đường

Tây Bắc vẫn lặng lẽ như không hề hay biết gì đến không khí rộn rã nơi đô thành.

Đoàn chúng tôi đi sau chiếc xe của Đức Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt dẫn đầu, cả đoạn đường dài người lái xe chưa thao đường đã bị lạc lối hơn cả chục cây số phải quay đầu lại vừa đi vừa hỏi đường lên Mường Cắt, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn của tỉnh Hòa Bình.

Dọc đường đi, trời tối dần, chúng tôi qua các thị trấn rồi tiến vào những đoạn đường núi, lèn dốc rồi lại xuống đèo. Chỉ có đoạn đường khoảng 150 km mà chúng tôi đi mất gần 4 tiếng đồng hồ. Những khúc quanh co, đèo dốc làm các cháu sinh viên đua nhau nôn thòi nôn tháo.

Từ xa, ngôi sao sáng bằng những bóng đèn neon ghép lại như ngôi sao trong đêm Giáng sinh đã chỉ đường cho Ba Vua đến thờ lạy con Thiên Chúa Giáng trần thì nay đã dẫn chúng tôi đến xứ Mường Riệc.

Nhà thờ Mường Riệc đang được xây dựng lại khá đẹp, giáo dân tiếp chúng tôi hết sức vui mừng, phấn khởi khi nói về công trình này với tất cả niềm tự hào và hy vọng của họ. Giáo dân ở đây cho biết, mới mấy năm gần đây, chúng tôi giữ lại được khu đất này để làm nhà thờ mới, xây được ngôi nhà tạm chỉ hơn một năm nay thôi, còn trên Mường Cắt thì đã bị lầy làm của công.

Lịch sử Xứ đạo Mường Cắt là một lịch sử đầy đau thương, giáo dân ở đây đa số là người Mường. Như bất cứ xứ đạo nào trên đất nước này thời cộng sản, câu chuyện về tài sản, đất đai ở đây cũng là câu chuyện dài kỳ. Mường Cắt xa xôi, heo hút, đất đai mênh mông rộng lớn nhưng đất đai tài sản của nhà thờ cũng không thoát khỏi cảnh bị chiếm đoạt. Khu nhà thờ gồm cả nhà xứ, nhà nguyện và một số hạng mục khác phục vụ cộng đồng đã được xây ở đây từ lâu đời. Bỗng nhiên, một ngày xấu trời, giáo dân lặng người nhìn người ta tháo nhà xứ để xây dựng "nhà văn hóa"...

Còn nhớ cách đây vài ba năm, khi Đức Tổng Giám Mục Kiệt đến Mường Riệc cho một số trẻ em chịu phép Thêm sức, có ý thăm Mường Cắt. Cha xứ đã báo trước cho bên quản lý "nhà văn hóa" biết và họ đã đồng ý mở cửa khu vực đó để Đức Tổng Giám Mục vào viếng nhà thờ. Nhưng đến giờ Đức Tổng Giám Mục tới họ trốn biệt, đành đứng ngoài trông vào mà thôi.

Linh mục quản xứ đã nhiều lần làm việc với chính quyền Hòa Bình và họ cũng đã nhiều lần hứa giải quyết. Nhưng, để thực hiện lời hứa thì hãy cứ... đợi. Vì vậy đêm nay, giáo dân Mường Cắt phải đón Đức Tổng Giám Mục và Chúa Hài đồng Giáng sinh ngoài bãi đất trống cạnh ngôi nhà thờ đơn sơ bé nhỏ và "nhà văn hóa" mốc meo.

Nhưng thật là lạ, bên bậc thềm của sân khấu Giáng sinh ở Mường Cắt, có hai lẵng hoa khá đẹp, một của Công an tỉnh Hòa Bình, một của Tỉnh Ủy, Hội Đồng Nhân Dân, Ủy Ban Nhân Dân và Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Hòa Bình chúc mừng Giáng Sinh ! Không rõ những lẵng hoa này được mang từ đâu tới, nhưng nó đã hiện diện nơi đây.

Những món quà giáo dân Mường Cắt mang đến tặng Đức Tổng Giám Mục và đoàn là vài chai mật ong và một bao tải sắn củ. Thật là lễ bạc lòng thành, đó mới là điều đáng quý.

Thánh lễ đêm Noel được cử hành thật sôi sắng và cảm động giữa trời đêm miền núi rừng. Hàng ngàn người ngồi giữa bãi nhìn sân khấu như nuốt lấy từng lời của Đức Tổng Giám Mục. Họ tỏ sự vui mừng bằng tất cả những gì có thể, họ hân hoan khi Đức Tổng Giám Mục nói :

"Mường Cắt hôm nay, như Bethlehem xưa, nơi nghèo nàn đơn sơ nhưng đã được Chúa chúc phúc, mọi Thiên thần, mọi tâm hồn, thần thánh dỗ về đó vì nơi đó có Chúa giáng trần. Hôm nay, các anh chị em giáo hữu cũng rời bỏ nơi đô thị phồn hoa về đây với Mường Cắt để đón Chúa Hài đồng".

Sau Thánh Lễ, Đức Tổng Giám Mục phát quà cho những người tham dự Thánh Lễ, không phân biệt tôn giáo. Tất cả hân hoan, phấn khởi và hết sức xúc động bên vị Cha chung hôm nay đã đến với họ trong cảnh khó nghèo.

Mục tiêu thiên niên kỷ

Một số tình trạng biểu tượng như đã nói trên không phải chỉ xảy ra ở Việt Nam hay trong các nước cộng sản mà đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại Ấn Độ, Bangladesh, Pakistan, Sri Lanka, các nước ở Phi Châu...

Như chúng tôi đã nói nhiều lần, để cải thiện tình trạng này, 189 quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc đã họp tại trụ sở Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc ở New York từ ngày 6 đến 8-9-2000, đưa ra bản *Tuyên Ngôn Thiên Niên Kỷ*, nhất quyết phấn đấu để đạt được 8 Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ (Millennium Development Goals) vào năm 2015. Tám mục tiêu đó được tóm lược như sau :

1. Triệt để loại trừ tình trạng bần cùng (nghèo cùng cực) và thiếu ăn ;
2. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ;
3. Nâng cao bình đẳng giới và vị thế, năng lực của phụ nữ ;
4. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em ;
5. Cải thiện sức khỏe bà mẹ ;
6. Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các dịch bệnh khác ;
7. Đảm bảo sự bền vững của môi trường ;
8. Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển.

Để thực hiện những mục tiêu này, các tuyên ngôn, tuyên cáo, kháng thư, bản liên tiếng... chẳng giúp được gì. Phải có tầm nhìn lớn hơn và xa hơn. Phải bắt tay vào việc. Liên Hiệp Quốc đã kêu gọi các quốc gia huy động thêm các nguồn tài lực và đầu tư công cộng để lại lợi ích cho người nghèo.

Hôm 19-6-2003, tại St. John Lateran Convent of the Dominicans, Đức Hồng Y Jaime Ortega Alamillo, Tổng Giám Mục Havana, Cuba, đã tinh bày về đề tài "Những quan tâm và sự dần thân của Giáo Hội đối với tương lai của đất nước Cuba".

Ngài xác định : "Thông thường, điều mà chúng tôi phải làm là hiệp thông với mẫu nhiệm thánh giá; trong mọi trường hợp, số phận của chúng tôi là chịu đau khổ, và chúng tôi có thể phải chịu đau khổ và chết. Nhưng không chết cho lý do này hay lý do kia, mà chết cho tình yêu, cho phục vụ, cho hòa giải, cho sự tốt lành của nhân loại".

Lữ Giang (California, 5-1-2010)

Mạn đàm

Một vấn đề văn hóa

Nguyễn Hùng Quốc

Văn hóa giao tiếp của người Việt

Trong văn hóa Việt Nam, một trong những khía cạnh đáng chú ý nhất là văn hóa ứng xử. Trong văn hóa ứng xử, khía cạnh có nhiều đặc điểm tích cực, thường được khen ngợi nhất là tình gia đình và tình hàng xóm; khía cạnh thường bị xem là tiêu cực và có nhiều vấn đề nhất là văn hóa giao tiếp. Trong văn hóa giao tiếp, điều thường bị phê phán nhiều nhất cũng lại là những điều cản bản nhất: cách chào hỏi và cách nói cảm ơn hay xin lỗi.

Trước hết, nói về chuyện *cám ơn/xin lỗi*. Đó có rất nhiều người viết về đề tài này. Hầu như ý kiến của ai cũng giống nhau : Người Việt, nhất là kể từ sau 1975, rất hiếm khi nói cảm ơn hay xin lỗi. Nhờ người ta chỉ đường ; nghe xong, lảng lặng đi, không một lời cảm ơn. Đi xe quẹt người khác, trừng mắt lên nhìn, rồi phóng đi, không một lời xin lỗi. Những chuyện như vậy diễn ra hàng ngày. Ở khắp nơi. Ngay cả giữa những người có ăn học.

Ngay cả việc chào hỏi của chúng ta cũng có vấn đề, thậm chí, vấn đề nghiêm trọng.

Còn nhớ, cách đây non mươi năm, đứa em trai tôi từ Việt Nam sang Úc chơi. Mỗi sáng, hai anh em đi bộ dọc theo bờ biển gần nhà để tập thể dục. Những ngày đầu tiên, em tôi chú ý đến mấy điều : thứ nhất, cái đẹp đầy thanh bình của phong cảnh ; thứ hai, sự dạn dĩ của chim chóc, chủ yếu là bồ câu và hải âu, lúc nào cũng quần quất quanh người đi dạo hay ngắm cảnh ; và, thứ ba, sự thân mật của người Úc.

Trên quãng đường khoảng 3 cây số dọc theo bờ biển, trung bình cứ vài ba phút lại gặp một người đi bộ ngược chiều. Hầu như ai cũng nhoẻn miệng cười và nói "hello" hay "good morning". Thỉnh thoảng có người còn hỏi thêm "Khoẻ không ?" hay buông vài câu bâng quơ, kiểu "Hôm nay trời đẹp quá hả !".

Thằng em tôi, thoát đầu, than : "Trả lời mỏi miệng quá !", sau, nghĩ ngợi một lát, trầm trồ : "Người Úc dễ thương ghê !" ; sau nữa, trầm ngâm so sánh : "Ở Việt Nam đâu có ai chào người lạ như vậy. Gặp người dân tộc thiểu số nữa thì đừng hòng !".

Mà thật, bạn để ý xem, ở Việt Nam, đi đường, có ai chào ai không ? Với người lạ, câu trả lời hầu như tuyệt đối : Không. Chúng ta chỉ chào người quen. Câu tục ngữ "tiếng chào cao hơn mâm cỗ" hầu như chỉ áp dụng cho người quen, trong làng xóm với nhau. Nhưng với người quen, chúng ta thường chỉ chào bằng ngôn ngữ thân thể (body language) hơn là ngôn ngữ bằng lời (verbal language) : Chúng ta gật đầu, vẫy tay hay nhoẻn miệng cười. Là hết. Thân tình hơn, mới hỏi bằng què vài câu : "Anh/chị đi đâu đó ?" hay "Đi đâu mà vội quá vậy ?". Vậy thôi.

Nói cách khác, liên quan đến khía cạnh này của văn hóa giao tiếp, chúng ta thiếu đến hai điều : Thứ nhất, chúng ta không có thói quen chào nhau, nhất là với người lạ. Thứ hai, chúng ta chưa có những công thức chào.

Về điểm thứ nhất, nhớ lại xem, hồi nhỏ, hầu như bố mẹ chúng ta chỉ dạy chúng ta chào khi có khách đến nhà hoặc khi đến nhà người khác. Và chỉ yêu cầu chúng ta chào người lớn, hoặc lớn tuổi hoặc lớn vai vế, hơn. Hầu như không ai dạy con cái cách chào người lạ hay với người nhỏ tuổi hơn mình.



Về điểm thứ hai, trong tiếng Việt, "chào hỏi" thường đi đôi với nhau, thành một từ, từ ghép. Trên thực tế, chúng ta thường dùng câu hỏi thay cho lời chào. Mà hỏi thì đa dạng vô cùng. Chúng thay đổi theo mức độ

quen thân, theo hoàn cảnh, theo cảm hứng, v.v... Hệ quả là lời chào, ngay cả chào-hỏi, của chúng ta không được công thức hoá. Khác hẳn với các ngôn ngữ Tây phương. Ví dụ, với tiếng Anh hay tiếng Pháp, những lời chào hỏi hầu như thành công thức. Với ai, ở đâu, chúng ta cũng lặp đi lặp lại như vậy.

Đại khái:

- Chào anh.
- Chào chị. Chị khoẻ không ?
- Khoẻ, anh ạ. Cám ơn anh. Còn anh thì thế nào ?
- Tôi cũng khoẻ. Cám ơn chị.

Từ người thân đến kẻ sỉ, từ người lớn đến trẻ em, từ ông tổng thống đến người bán hàng, gặp nhau, ở đâu người ta cũng đều nói thế. Những công thức chào hỏi như thế biến thành một thứ văn hoá, văn hoá giao tiếp.

Bởi vậy, tôi nghĩ, yếu tố đầu tiên của văn hoá là tính công thức. Văn hoá là sự đồng điệu thuận về ý nghĩa của một biểu trưng hay một giá trị nào đó trong cộng đồng. Để thể hiện hay đẩy mạnh sự đồng thuận ấy, công thức hoá là một biện pháp tốt nhất và hiệu quả nhất. Nhưng tâm lý con người thường e ngại trước tính công thức. Quá trình công thức hoá chỉ có thể thực hiện được bằng cưỡng chế, chủ yếu qua hệ thống giáo dục. Ở Tây phương, ít nhất qua tiếng Anh và tiếng Pháp mà tôi biết, những công thức chào hỏi vừa nêu là những bài học vô cùng cho cả người ngoại quốc lẫn trẻ em bản ngữ. Ai cũng phải học như thế. Công việc tiếp nhận các công thức giao tiếp được khởi sự ngay từ lúc người ta học ngôn ngữ.

Việc cưỡng chế trong quá trình tiếp nhận tính công thức trong văn hoá cần có một điều kiện khác nữa : đó là sự sùng bái. Văn hoá nào cũng bao gồm sự sùng bái. Nhiều học giả đã phân tích: tính sùng bái (cult) nằm ngay trong chữ văn hoá (culture), trở thành yếu tính của văn hoá. Nói cách khác, không có sùng bái sẽ không có văn hoá.

Trong văn hoá giao tiếp, sùng bái chủ yếu là sùng bái đối với hình mẫu của một con người văn minh và có văn hoá : Đó là một con người biết chào hỏi, biết nói cảm ơn và nói xin lỗi như một cách thể hiện sự tự trọng.

Vâng, tôi xin nhắc lại : đó là sự thể hiện của lòng tự trọng.

Cám ơn hay xin lỗi, ngay cả về những chuyện, thành thực mà nói, không đáng, là cách bày tỏ sự kính trọng đối với người khác, qua đó, thể hiện sự tự kính trọng mình với tư cách là một người văn minh và có văn hoá. Nói cách khác, nếu trên đường đi, tôi hơi lấn hay đụng anh một chút, một chút thôi, tôi xin lỗi anh; đó không phải là tôi "sợ" anh, mà là vì tôi sợ tôi biến thành một con người thô lỗ. Xin lỗi, do đó, trở thành một cách tự bảo vệ mình, bảo vệ nhân phẩm của chính mình: Trong trường hợp này, nếu anh sừng sộ với tôi, anh thua tôi. Thua về độ văn minh và văn hoá.

Viết đến đây, tôi bỗng nhớ đến một kỷ niệm lúc mới từ trại tị nạn ở Galang qua Pháp. Trong mấy tháng ở trại tị nạn, tôi cố gắng học thêm cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp: trong khi học tiếng, lúc nào cũng tự dặn dò mình phải học cả văn hoá giao tiếp ở xứ người, trong đó, điều quan trọng và cũng là điều căn bản nhất là biết chào hỏi, biết nói xin lỗi và cảm ơn.

Đến Paris, những ngày đầu tiên sống trong trung tâm chuyển tiếp, lúc nào tôi cũng lầm nhầm trong miệng hai chữ "Merci" (cám ơn) và "Pardon" (xin lỗi) như một kiểu tự kỷ ám thị. Một lần, vào tiệm mua một tờ báo, trả tiền xong, quay ra, tôi hắp tấp vấp phải một phụ nữ vừa trở tối từ phía sau. Bèn nhớ đến bài học, nhưng thay vì nói "xin lỗi", tôi buộc miệng nói nhầm "cám ơn!".

Bước đi được mấy bước, nhớ lại cái nhầm của mình, thận dò mặt, tôi bước đi thật nhanh. Để trốn.

Thẹn. Nhưng nếu không như vậy, biết bao giờ những điều mình học mới trở thành một phản xạ tự nhiên ?

Khi nói văn hoá là những gì còn lại sau khi đã quên hết, có lẽ người ta cũng nhấn mạnh đến tính phản xạ ấy.

Phải không ?

(06/01/2010)

Ai là kẻ thù ?

Trước hết, tôi xin lỗi là phải trích lại một lần nữa lời phát biểu của Chủ tịch Nguyễn Minh Triết về âm mưu phân hoá nội bộ chính phủ Mỹ được phát tán trên internet và đã được dẫn ra trong bài "Nguyễn Minh Triết bị mang lên đạn đầu dài YouTube" :

"Trong cái cuộc họp đó [Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc], ngoài những cái ý kiến chung thì tôi có thêm một cái ý kiến: tôi hoan nghênh ông Ô-Ba-Ma. Ông tuyên bố là ổng sẽ đóng cửa nhà tù Ga-Ta Na-Mô mà. Nhưng mà tôi nói rằng ông Ô-Ba-Ma ơi, vấn đề này là khó lăm đó. Tôi chúc ông phải nỗ lực để thực hiện cho bằng được cái này. Tôi nói mà tôi nhìn Ô-Ba-Ma tôi thấy ổng... ahhh (cười) cũng chăm chú lăm, cũng lắng nghe. Như thế là mình vừa động viên Ô-Ba-Ma, nhưng mà mình vừa muốn phân hóa cái... cái nội bộ của ổng... ahhh (cười)".

Nghe lời phát biểu ấy, chúng ta - trong đó có tôi - dễ ngõ chì là một lời tán phết của một người có dịp đi xa về ba hoa với bà con trong làng. Nhưng có lẽ ông Triết không đùa. Ông ba hoa nhưng ông không đùa. Điều ông nói có khi lại phản ánh một chính sách chung của cái đảng mà ông là một trong những người lãnh đạo tối cao.

Tôi nghĩ như thế khi đọc lời phát biểu của một người khác cũng rất có quyền lực trong đảng. Đó là ông Lê Đức Anh. Trong một cuộc phỏng vấn do VietnamNet thực hiện và được đưa lên mạng ngày 22-12-2009, có câu này rất đáng chú ý : "Vị Đại tướng cũng không quên lưu ý, chúng ta xác định tinh thần làm bạn với nhân dân các nước, nhưng nếu trong nội bộ các nước có thế lực xấu thì chúng ta nên tìm cách phân hóa".

Xin lưu ý là, mặc dù đã về hưu từ lâu, nhưng theo giới thiệu tại Việt Nam, Lê Đức Anh vẫn có rất nhiều thế lực ngầm, ảnh hưởng không ít đến các chính sách lớn cũng như vấn đề phân bổ nhân sự trong nội bộ đảng Cộng sản hiện nay.

Có lẽ điều đó cũng dễ hiểu. Một người từng là Đại tướng, Bộ trưởng Bộ quốc phòng, Phó bí thư Quân ủy trung ương, Chủ tịch nước, Cố vấn Bộ chính trị như Lê Đức Anh không dễ gì cắt bỏ hết mọi ám ảnh về quyền lực. Không có gì lạ khi, mấy năm trước đây, báo chí hải ngoại từng loan tin về nhiều vụ tranh chấp quyền bính trong nội bộ đảng Cộng sản trong đó có bàn tay của Lê Đức Anh.

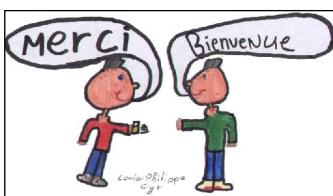
Ông Lê Đức Anh chỉ nói chung chung đến đối tượng của âm mưu phân hoá nội bộ là "các nước có thế lực xấu". Ông Nguyễn Minh Triết thì nói thẳng : đó là Mỹ.

Mà thật ra, đảng Cộng sản cũng không hề giấu giếm gì điều đó. Trong bản "Đề cương Tuyên truyền, chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động 'Diễn tiến hòa bình' trên lãnh vực tư tưởng, văn hoá" do Ban Tuyên giáo đảng Cộng sản ký ngày 25 tháng 6 năm 2009, tên nước Mỹ được nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần như là một "thế lực xấu".

Xin trích nguyên một đoạn chính như sau :

"Mỹ đã bộc lộ rõ ý đồ lợi dụng hợp tác giáo dục, đào tạo để chuyển hoá Việt Nam. Đến nay chỉ riêng Mỹ đã có 15 chương trình, dự án lớn có liên quan đến lĩnh vực giáo dục - đào tạo đang triển khai ở Việt Nam."

Ngân sách của chính phủ Mỹ dành cho các chương trình Fulbright Việt Nam tăng lên 4 triệu USD/năm, còn "Quỹ giáo dục Việt Nam" mỗi năm dành 5 triệu USD cấp cho 100 sinh viên Việt Nam học tại Mỹ. Đại sứ quán Mỹ ráo riết triển khai dự án "Góc Hoa Kỳ" nhằm quảng



bá với lớp trẻ hình ảnh nước Mỹ, lối sống Mỹ. Các cơ quan hoạch định chiến lược của Mỹ đưa ra bản "lộ trình 4 bước", trong đó bước 4 có nội dung các trường đại học Mỹ được khuyến khích mở các cơ sở tại Việt Nam".

Trên báo chí, chúng ta thấy mấy năm gần đây, quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ có vẻ như càng ngày càng tốt đẹp. Hai nước bàn chuyện hợp tác với nhau trong rất nhiều lãnh vực từ kinh tế đến y tế, từ khoa học đến giáo dục, từ chính trị đến cả chuyện quốc phòng. Con cháu các lãnh tụ Việt Nam vẫn ùn ùn kéo nhau sang Mỹ học tập. Vậy mà, tự trong thâm tâm, giới lãnh đạo Việt Nam vẫn tiếp tục xem Mỹ là một kẻ thù, thậm chí là kẻ thù chính, còn nguy hiểm hơn cái kẻ thù sát ngay bên cạnh, thường xuyên lấn đất, cướp đảo, bắt bớ hâm hại ngư dân Việt Nam.

Không thể nào hiểu được.



(05/01/2010)

Cần giáo dục về sự xấu hổ

Từ năm 1945, đặc biệt từ năm 1954, người Việt Nam, nhất là ở miền Bắc và sau đó, từ năm 1975, trong cả nước, không ngót được/bị giáo dục về lòng tự hào... Tự hào về bốn hay năm ngàn năm văn hiến. Tự hào về tài đánh giặc, hết giặc Tống đến giặc Minh, giặc Thanh, giặc Chiêm, rồi cuối cùng, giặc Pháp và giặc Mỹ.

Ngoài ra, người Việt Nam còn tự hào về tài trí của mình, bao gồm cả tài văn chương, với những tên tuổi có thể làm lu mờ truyền thống lừng lẫy của thời Tiền Hán và Thịnh Đường bên Trung Quốc.

Tự hào. Lúc nào cũng tự hào. Sách viết về đất nước và con người Việt Nam lúc nào cũng ánh lên vẻ tự hào. Có những điều tự hào có thực và cũng có không ít những điều chỉ do tưởng tượng.

Câu nói "ra ngõ gặp anh hùng" hay "nhiều người ngoại quốc mơ ước sáng ngủ dậy thấy mình là người Việt Nam" được lặp lại lặp lại từ học đường đến các phương tiện truyền thông đại chúng.

Tuy nhiên, theo tôi, đã đến lúc nên có chính sách giáo dục người Việt Nam về lòng xấu hổ.

Thật ra, nói "theo tôi" là một cách nói hơi cường điệu. Rõ ràng, tôi không phải là người đầu tiên và càng không phải là người duy nhất nói lên điều đó.

Trước, từ giữa thập niên 1980, đạo diễn Trần Văn Thuỷ đã nhấn mạnh vào nhu cầu giáo dục lòng xấu hổ. Trong cuốn phim tài liệu "Chuyện tử tế" nổi tiếng, Trần Văn Thuỷ đã so sánh việc giáo dục tại Nhật và tại Việt Nam: "Trong khi ở Nhật, một quốc gia tiến bộ và giàu mạnh nhất châu Á, trẻ em luôn được giáo dục là đất nước của họ rất nghèo tài nguyên và bị thua trận một cách nhục nhã, thì tại Việt Nam, một quốc gia thuộc loại lạc hậu và nghèo đói nhất trên thế giới, trẻ em lại luôn được giáo dục một cách đầy tự hào: tài nguyên thì giàu có, lịch sử thì trực rõ, con người thì anh hùng, tài trí thì vô song, v.v...".

Cũng trong thập niên 1980, sau "Chuyện tử tế" một tí, trong bài "Nhìn từ xa... Tổ quốc!", nhà thơ Nguyễn Duy cũng nói đến hiện tượng "bội thực tự hào", hơn nữa, "ngộ độc tự hào" của người Việt Nam. Ông chỉ ra những điều nghịch lý :

"Xứ sở nhân tình

Sao lầm thương binh đi kiếm ăn đủ kiểu

Nặng gối khua rõ mặt đường làng

Mẹ liệt sĩ gọi con đội mũ đi kiện"

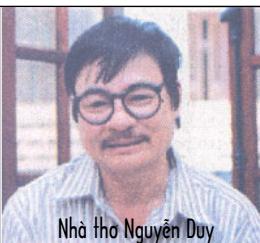
"Xứ sở thông minh

sao thật lầm trẻ con thất học

lầm ngôi trường xơ xác đến tang thương",

"Xứ sở thật tà

sao thật lầm thứ điếm



Nhà thơ Nguyễn Duy

điểm biệt thự - điểm chợ - điểm vườn...
Điểm cấp thấp bán trôn nuôi miệng
điểm cấp cao bán miệng nuôi trôn",
"Xứ sở cần cù
sao thật lầm Lân Ông (lười biếng)
lầm mèo lân công",
"Xứ sở bao dung
sao thật lầm thần dân lia xú

lầm cuộc chia li toe toét cười
Mặc kệ cô hoang cánh đồng gái góa
chen nhau sang nước người làm thuê",
"Xứ sở kỷ cương
sao thật lầm vua
vua mánh - vua lừa - vua chôm - vua chả
vua không ngai - vua choai choai - vua nhỏ...
Lãnh chúa sứ quân san sát vùng cát cứ
lúc nhúc cường hào dầu trâu mặt ngựa
Luật pháp như đùa như có như không có
một người dì chặt cả con đường".

Nhưng trên tất cả là nghịch lý trong tuyên truyền, lúc nào cũng "hát đồng ca": "Ta là ta mà ta vẫn mê ta", trong khi đó, trên thực tế, ai cũng biết :

"Thần tượng giả xièo xièo phi hành mõ,
Q lén thum thủng cả tim gan".

Tuy nhiên, xin lưu ý : Trần Văn Thuỷ và Nguyễn Duy không phải là những người đầu tiên phê phán bệnh tự hào và đặt vấn đề về nhu cầu giáo dục lòng xấu hổ.

Ngay từ đầu thế kỷ 20, các nhà nho cấp tiến đã nhận ra được điều đó. Trong các tác phẩm của mình, cả Phan Chu Trinh lẫn Phan Bội Châu đều nhiều lần nhấn mạnh đến cái ngu và cái hèn của người Việt Nam.

Hãy thử đọc lại đoạn văn này của Phan Chu Trinh : "Nhân dân nước Nam bây giờ, ngu xuẩn như trâu như ngựa, tha hồ cho người ràng trói, cho người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở." (Trích Đặng Thai Mai, *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20*, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1974, tr. 85).

Việt Nam hiện nay là một quốc gia độc lập. Tuy nhiên, trên rất nhiều phương diện, so với mặt bằng chung của thế giới cũng như so với chính tiềm năng và tiềm lực mà chúng ta có, có rất nhiều điều khiến chúng ta phải xấu hổ.

Cần xấu hổ về trình độ phát triển của Việt Nam hiện nay vốn rất thấp không những so với thế giới mà còn so với cả các quốc gia láng giềng của chúng ta ở châu Á.

Cần xấu hổ về khoảng cách giàu nghèo phi lý và bất nhẫn giữa thành thị và nông thôn, giữa cán bộ và người lao động bình thường không có quyền thế và thân thế.

Cần xấu hổ về tinh thần vô kỷ luật, thậm chí, rất kém văn hóa nhan nhản khắp nơi, từ công tư sở đến ngoài đường phố, từ cách làm việc đến cách đi lại.

Cần xấu hổ về sự hoành hành của nạn tham nhũng ở mọi cấp.

Cần xấu hổ về những cách hành xử của nhà cầm quyền : như nhược đối với nước ngoài, đặc biệt với Trung Quốc, nhưng lại độc tài và tàn bạo ngay với những người tha thiết nhất đối với chủ quyền và sự toàn vẹn của Việt Nam.

Theo tôi, không chừng xấu hổ nên được xem là một đức hạnh cần thiết nhất hiện nay. Trong chừng mực nào đó, có thể nói, người Việt Nam hiện nay nên được chia thành hai loại : Loại biết xấu hổ và loại không biết xấu hổ.

Giận thay, chính những kẻ không biết xấu hổ ấy lại đang không ngừng rao giảng chân lý, công lý và đạo lý.



Nguyễn Hưng Quốc
(Úc, 25-8-2009, voanews.com©)

Phóng văn cuối năm nhà văn Nguyễn Ngọc

Khi sĩ phu ngoảnh mặt

Cát Khuê thực hiện

Hội nhập văn hoá "về hình thức" là gì, thưa ông ? Việc chúng ta rất hâm mộ với các loại hình văn hoá phi vật thể được thế giới công nhận trong đó có ca trù được đưa vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của UNESCO có là bình thường không, thưa ông ?

Tôi không hiểu lắm mấy chữ "về hình thức" trong câu hỏi. Hội nhập thì bao giờ cũng là hội nhập về thực chất, sao lại có chuyện "về hình thức" ? Nhưng nhân đây có thể nói một điều theo tôi là cần thiết và quan trọng. Tôi thấy hình như chúng ta thường không hiểu đúng và không nói đúng về hội nhập, bàn về hội nhập chúng ta thường nói đến chuyện du nhập hay không du nhập cái này cái nọ vào xã hội, vào đời sống văn hoá của ta. Và rồi tranh cãi về những cái đó. Hoặc lo lắng hội nhập thì được gì, mất gì... Nghĩ như vậy thì hẹp và đúng là "hình thức" quá, lúng túng, rối ren, và chẳng có ý nghĩa gì nhiều. Có lẽ cần đặt vấn đề một cách khác. Chắc cũng có thể nói một cách đơn giản, dễ hiểu, mà lại cơ bản hơn : hội nhập nghĩa là cố gắng sống được một cách văn minh cho bằng thiên hạ bây giờ, và theo cách của mình.

Có thể như thế được không ? Theo tôi là có. Vì ta từng sống văn minh. Vừa rồi tôi sang Lào, đi khắp từ nam đến bắc, gần như tuyệt đối không hề nghe thấy tiếng còi ô tô. Người lái xe, đến ngã tư bao giờ cũng từ tốn dừng lại, nhìn trước nhìn sau, nhường đường cho người khác, nhẹ nhàng và đúng luật. Tôi nghĩ trong một chuyện nhỏ đó có cả hai mặt : họ biết thực hiện giao thông hiện đại một cách văn minh, và sự từ tốn văn minh đó lại cũng bắt nguồn từ tính chất dân tộc ôn hoà lâu đời. Vậy đó, họ đã hội nhập hơn ta nhiều, họ tự nâng mình lên đến trình độ giao thông văn minh của thế giới trên cơ sở bản tính tốt đẹp truyền thống của dân tộc. Thật đáng buồn, chắc ai cũng hiểu không biết đến bao giờ ta mới "hội nhập" được cho bằng họ, chẳng hạn về mặt này ! Ở đây có chuyện tương tự như trong kinh tế: muốn thu hút được nhiều vốn tốt bên ngoài thì ta cũng phải có "vốn đối ứng" mạnh. Chính vì vốn đối ứng văn hoá của ta đã bị suy sút nặng nề nên ta rất lúng túng về hội nhập, vừa lạc hậu vừa yếu, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, và lại rối ren trong tiếp nhận.

Vui vì Quan họ hay Ca trù được công nhận là di sản văn hoá thế giới cũng tốt thôi, chẳng tội tình gì. Nhưng từ trong một chiếu ca trù tinh tế đến từng miếng gõ sanh tuyệt diệu... để rồi vừa bước ra khỏi cửa đã gặp và lao ngay vào cuộc giao thông hỗn hào trên đường, thì lẽ ra càng đáng xấu hổ hơn, chẳng có gì để mà hâm mộ !

Tôi cũng có thể nói vấn đề của ta hiện nay là thế này: những cái tinh tế, tuyệt vời được nâng niu như Quan họ, Ca trù (mà ta đem khoe với thế giới) đang rơi lọt thỏm vào một biển văn hoá xã hội hỗn hào !

Không ít lần ông đã phải đau lòng đến mức nói rằng "thực trạng văn hoá đang xuống cấp", ông nhìn thấy ở năm 2009 những điều cụ thể nào minh chứng cho sự đau đớn ấy ?

Những "đau lòng" trong năm 2009 cũng chẳng có gì mới hơn đâu, vẫn tiếp tục và chỉ có nặng thêm hơn thôi. Vấn đề không phải chỉ là ở những biểu hiện cụ thể, báo chí hằng ngày dù đã "được" kiểm chế, cũng đã phơi ra vô vàn. Vấn đề là xem ra tốc độ xuống dốc ngày càng tăng, và chưa thấy có bất cứ dấu hiệu nào có thể kìm hãm hoặc thậm chí làm chậm lại đỗi chút.

Cần chú ý điều này : có người đã nói đến nguyên nhân ở "lỗi thiết kế". Tức là ở hệ thống chứ không chỉ ở cái cụ thể. Có một điều gì đó không ổn ở trong hệ thống. Nếu không làm sao giải thích xu thế và gia tốc vừa nói ?

Xin nói chẳng hạn một ví dụ về giáo dục. Vừa rồi trong một cuộc hội thảo có người đã nêu hiện tượng: hầu hết những người đang làm việc trong ngành giáo dục mà tương đối có điều kiện đều cho con mình ra học ở nước ngoài, ngay cả ở cấp phổ thông. Trong khi đó họ chăm sóc, cần mẫn, ráo riết đem nền giáo dục mà chính họ chối bỏ cho con cái mình áp đặt cho con cái tuyệt đại đa số nhân dân không có được điều kiện như họ. Nói thế nào đây về chuyện này, nếu không phải là một sự thách thức, một sự bất lương công khai ?

Nhưng cũng sẽ có những điểm sáng mừng chứ, ông nhận thấy ở giới trẻ người Việt hôm nay những đốm sáng lấp lánh nào để thế hệ ông "an lòng" không?

Tôi đã có lần nói, và xin nói lại: tôi không mất lòng tin ở lớp trẻ. Theo tôi, nhìn chung họ đang phản kháng lại nền giáo dục tệ hại đang được áp đặt cho họ (nền giáo dục mà chính những người làm giáo dục đang chối bỏ cho con cái mình). Bằng nhiều cách, công khai hay im lặng. Ngay cả các em đang hư hỏng cũng là một cách biểu hiện phản kháng, nói theo cách nào đó đấy cũng là tích cực. Tích cực một cách đáng buồn !

Tôi là ở chúng ta.

Trong bất cứ xã hội nào, giáo dục bao giờ cũng là cái nền. Lỗi ở giáo dục thì thuộc lỗi hệ thống. Có điều rất lạ: cho đến nay Bộ Giáo dục & Đào tạo vẫn nhất quyết không chịu cải cách giáo dục, chỉ kiên trì làm cái "chiến lược" cũ kỹ què quặt của họ thôi.

Trong khi đó tôi đã biết một số môi trường, tiếc là còn rất ít, nơi tạo được một không khí cởi mở, lành mạnh, trí thức. Ở đấy tôi đã gặp một số bạn trẻ, chỉ cần môi trường đó thôi, gặp nó họ như được giải phóng, bộc lộ tiềm năng hóa ra là rất phong phú, họ bổng khác hẳn, tự chủ, tự tin, tự do, đầy sức sống, đầy khát khao. Rất đáng trách là những môi trường như vậy đang bị ngăn cản và thu hẹp.

Những người làm văn hoá ở Việt Nam có đang thực sự tham dự vào mỗi biến chuyển của đất nước hôm nay không, theo ông ?

Đã là người làm văn hoá chân chính thì đều khát khao tham gia – chứ không phải chỉ tham dự – vào biến chuyển tốt đẹp của đất nước. Vấn đề là tự do cho sự tham gia, cống hiến đó. Tất nhiên ở đâu cũng có kẻ tốt người xấu, người chân chính kẻ cơ hội. Có điều đáng chú ý: khi những người chân chính, thẳng thắn, cương trực bị dẹp đi, thì đám cơ hội mọc lên nhiều, những kẻ làm văn hoá dởm, chẳng bao giờ thiếu, sẽ trỗi dậy như nấm.

Gần đây có hiện tượng rất đáng lo: một số người vốn rất có trách nhiệm, là trí thức lớn của đất nước, đã tỏ ra chán nản, thậm chí tuyên bố sẽ im lặng. Đó là điều mà Lê Quý Đôn xưa đã gọi là "sĩ phu ngoảnh mặt". Là dấu hiệu báo động. Vậy mà người ta đang điếc với cả báo động đó !

Năm 2010, chúng ta sẽ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, trước đó đã có rất nhiều những hoạt động khác nhau để chuẩn bị chào mừng như con đường gốm sứ, phim Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ... Ông có nhìn nhận gì về những hoạt động đó? Có phải đại lễ này chưa đến nhưng đang như "một miếng giữa làng" không, thưa ông?

Cho tôi nói thật : tôi không quan tâm nhiều lắm đến những hoạt động "đại lễ" ấy. Những vấn đề gốc rễ của văn hoá không giải quyết trong và bằng các đại lễ. Tôi cũng chẳng phản đối, tất nhiên, nhưng thôi thì cứ làm đi, vừa vừa thôi, đừng "đại" quá, dành tiền và nhất là dành suy ngẫm, tâm huyết cho những bài toán lớn, sâu hơn nhiều đang chưa có lời giải. Chẳng hạn bài toán giáo dục, chìa khoá của mọi bài toán lớn nhỏ khác.

Ông chờ đợi gì ở những khởi sắc cho văn hoá dân tộc trong năm 2010 với những vận hội và đại lễ lớn ?

Không bao giờ nên chờ "khởi sắc văn hoá" trong một năm, dù là năm nhiều "đại lễ". Và đại lễ với vận hội thì có liên quan gì với nhau?

Những vấn đề văn hoá luôn luôn là những vấn đề dài hạn. Như vấn đề "thiết kế" nói trên.

Trân trọng cảm ơn ông.

Đọc báo nước ngoài

Niềm tin héo tàn trước nguy cơ vỡ bong bóng

Tim Johnston

Nỗi lo lắng cao độ: các nhà đầu tư sầu bất chấp cơn sốt bất động sản ở Hà Nội và những dấu hiệu khác của sự tăng trưởng.

Sự nhộn nhịp tại những cao ốc vừa được xây dựng ở trung tâm Hà Nội, sự nhung nhúc không ngừng nghỉ của các loại xe máy mới ở thành phố Hồ Chí Minh là những dấu hiệu hồi phục của nền kinh tế Việt Nam khi bước vào năm 2010. Thế nhưng nhiều kinh tế gia và các doanh nhân vẫn ngao ngán trước viễn cảnh u ám.

Võ Trường Sơn đáng lẽ phải là người sung sướng. Thế nhưng, ngồi trong văn phòng của ông ta ở thị trấn Pleiku thuộc cao nguyên Trung phần Việt Nam, vị phó tổng giám đốc Hoàng Anh Gia Lai, một tập đoàn kinh tế tư nhân, dường như chẳng vui sướng gì với bảng thành tích tốt của công ty hay với lập luận cho rằng Việt Nam là một trong các quốc gia hồi phục kinh tế mạnh mẽ nhất trong năm vừa qua.

Ông Sơn nói: "Tôi nghĩ rằng sẽ rất khó khăn trong nửa đầu năm 2010 bởi vì lãi suất tăng cao, vì chính sách siết chặt tiền tệ và vì vấn đề nan giải của cán cân thanh toán".

Chính quyền cộng sản Việt Nam, tuy đã dứt bỏ cơ chế kiểm soát kinh tế, nhưng vẫn phải vất vả đương đầu với những sắc thái của cơ cấu thị trường để có thể điều phối và kiểm soát sự tăng trưởng. Suốt hai năm vừa qua, chính sách kinh tế thay đổi một cách chóng mặt: Từ quản lý chặt chẽ nhảy sang chủ trương thả lỏng để kích cầu và rồi trở lại với kiểm soát khắt khe khi nền kinh tế đang chịu ảnh hưởng của lạm phát, của trì trệ toàn cầu và, gần đây, của những dấu hiệu tăng nhiệt nóng bỏng.

Cần nhìn nhận rằng, với một nền kinh tế cây dựa quá nhiều vào xuất khẩu và nguồn đầu tư trực tiếp từ ngoại quốc để có thể duy trì sự tăng trưởng trong suốt thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu một cách ngoạn mục. Thống kê công bố vào tuần trước cho thấy nền kinh tế trong năm vừa qua tăng trưởng 5.32%, giảm đi so với mức tăng trưởng bình quân 7% trong suốt 4 năm trước đó. Dầu vậy, mức tăng trưởng căn bản vẫn mạnh hơn so với dự đoán của các quốc gia đối thủ. Ngành xây dựng tăng 11.4% và khu vực buôn bán lẻ tăng 18.4%.

Không phải chỉ riêng ông Sơn rầu rĩ với những dự đoán cho tương lai, mà còn có nhiều nhà phân tích kinh tế cảnh báo nền kinh tế Việt Nam đang quá nóng với nhiều hiểm họa nghiêm trọng.

Ông Terence Mahony, một nhà đầu tư dài hạn ở Việt Nam nói, "Tôi e rằng sẽ lại vỡ bong bóng một lần nữa. Chính phủ Việt Nam đang đương đầu với hai thách thức với con số âm: Thâm hụt ngân sách và thâm hụt cán cân thanh khoản vắng lai". Cũng giống như các doanh nhân và các kinh tế gia, Mahony lo sợ Việt Nam quay trở lại căn bệnh kinh niên, thâm thủng cán cân thương mại. Thặng dư thương mại vừa đạt được trong sáu tháng đầu năm, nhập khẩu lại tăng vọt.

Đến tháng 11, mức thâm thủng lên đến 1,97 tỉ USD (1,36 tỉ Euro, 1,22 tỉ Bảng Anh) (*).

Song song với hai tệ nạn trên, thâm thủng ngân sách cũng tăng vọt. Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) ước tính trong năm nay mức thâm thủng sẽ lên tới 9.7% GDP tiếp sau những phi tổn của chương trình kích cầu nền kinh tế. Ngân hàng Thế Giới ước tính chương trình kích thích kinh tế này đã tiêu tốn đến 4 tỉ USD, tương đương 4% GDP. Đến cuối tháng 11, chính phủ đã ra tay xiết chặt chính sách tài chính và tiền tệ.

Đồng bạc bị phá giá hơn 5%. Lãi suất đã tăng lên đến 100 điểm (1%), các doanh nghiệp nhà nước phải mạnh tay bán ra nguồn dự trữ đô-la để giải quyết khó khăn thanh khoản ngoại tệ. Các doanh nghiệp nhà nước này chính là thành tố ưu tiên của chương trình kích thích kinh tế, được hưởng mức lãi suất trợ cấp 4% kéo dài đến cuối năm bất chấp những thương tổn gây ra cho nền kinh tế.

Kết quả hiển nhiên là khủng hoảng niềm tin. Người ta đổ nhau đi mua đô-la và vàng. Các doanh nghiệp xuất khẩu tìm cách tích trữ đô-la. Các nhà đầu tư buôn bán lẻ, mà rất nhiều người trong số họ đã bị mất đi đến 70% nguồn vốn tại các sàn giao dịch chứng khoán, đang quay sang đầu tư vào vàng. Các quầy cà phê tại các khách sạn ở thành phố Hồ Chí Minh trở thành những nơi mua bán vàng rất ngẫu hứng.

Tuần trước, chính phủ đã cố gắng gia tăng kiểm soát tình trạng bát nháo của thị trường bằng lệnh đóng cửa cho đến cuối tháng 3 tất cả các sàn giao dịch. Các tiệm kim hoàn và các doanh nghiệp bán lẻ - không phải là giới đầu cơ - vẫn được tiếp tục kinh doanh. Thế nhưng, Benedict Bingham, người đứng đầu Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund) ở Hà Nội, cho rằng nền tảng của nền kinh tế Việt Nam rất vững chắc mặc dù vẫn có những lớp váng bẩn trên bề mặt nổi của nó.

Bingham nói tiếp: "Có những sức bật nằm bên dưới, chủ yếu từ sự cân bằng thu chi thực tế của các hộ gia đình, đó là triển vọng rõ ràng để vượt qua cuộc khủng hoảng. Người dân Việt Nam vẫn tiếp tục chi tiêu mua sắm".

Thế nhưng ông Mahony lại nói rằng mặc dù nền kinh tế thế giới đang tiến triển, thế nhưng vẫn chưa đủ nếu không có sự thay đổi tư duy của các nhà lãnh đạo. "Tôi nghĩ vẫn còn sự giám sát tập trung nền kinh tế rất khó chịu. Họ không hiểu dòng chảy nền kinh tế tư bản: họ kiểm soát một cách rất đồng bong quái dị".

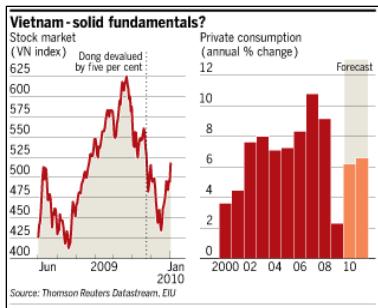
Hoàng Vũ chuyển ngữ

Nguồn : Financial Times-Asia Pacific, 4-1-2010.

Ghi chú :

(*) Ngày 6-1-2010, tức hai ngày bài báo này, Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố con số thâm thủng mậu dịch chính thức của Việt Nam trong năm 2009 là 12,246 tỷ USD.

Tại sao chỉ trong tháng 12-2009 mà thâm thủng mậu dịch có thể tăng thêm hơn 10 tỷ USD? Lý do là cho đến ngày 4-1-2010, Tim Jonhston vẫn chưa biết tổng số thâm thủng ngoại thương năm 2009 do Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố. Theo đó, tổng số thâm thủng ngoại thương của Việt Nam đối Trung Quốc trong năm 2009 đã là 11,300 tỷ USD, chiếm 92% tổng số thâm thủng của cả năm.



Một năm một chiến

ĐẢ ĐẢO 2010 !

ĐẢ ĐẢO CANH DẦN !

Một trong những chuyện mà tôi thấy là quái đản nhất trong những dịp cuối năm là nhận được những thiệp "chúc mừng năm mới". Thú thực tôi thấy rất nhảm.



bao nhiêu càng rệu rã bấy nhiêu chứ ăn cái giải gì. Không tin các bạn cứ thử mở album coi lại hình ảnh cũ. Cái ngày xưa trẻ đẹp đầy sức sống đâu rồi ? Cái gì đã cướp mất đi nếu không phải là những năm mới ?

Ông chú tôi chắc chắn là một trong những người may mắn nhất. Ông đẹp trai, học giỏi, lấy được bà thím tôi tài sắc đảm đang, làm việc gì cũng thành công, giàu có, quyền cao chức trọng, lại có viễn kiến, rời Việt Nam trước ngày 30-4-1975 mang theo được cả gia tài. Sang Mỹ chú thím tôi phất lên kinh khủng, ông tặng mấy triệu đô la cho một trường đại học danh tiếng để xây một giảng đường đồ sộ mang tên ông. Ông được cộng đồng người Việt vinh danh và cảm tạ vì đã làm "về vang dân Việt" dù ông chẳng hề làm gì cho người Việt và cho cái đất nước đã cho ông tất cả.

Người Việt Nam rất dễ biết ơn, họ rất dễ cảm thấy được thơm lây. Hễ ai cao sang là họ biết ơn, ngay cả những người không làm gì cho họ, kể cả những ông vua bắt tổ tiên họ làm nô lệ, kể cả những vĩ nhân gây ra những cuộc chiến chẵng có ích lợi gì mà còn làm chết cả triệu người. Chúng ta cần tự hào hơn nữa về cái đặc tính dân tộc rất quảng đại này.

Tóm lại, trên thế gian này ít ai bằng được chú tôi. Thế nhưng bây giờ thì chú tôi lại hoàn toàn không ý thức được hạnh phúc của mình, ông đi lại khó khăn, cả ngày nằm một chỗ thở thều thào, chẳng còn biết tài sản của mình là bao nhiêu, vinh quang của mình đến mức nào, quên cả tên con cháu. Tất cả chỉ vì hơn chín chục cái năm mới mà người ta đã liên tục chúc mừng ông. Nghe nói chú tôi còn thua xa một ông người Mỹ tên là Warren Buffet có một tài sản 70 tỷ đô la. Ông này cũng đã giúp hàng tỷ đô la cho các hội từ thiện và thực sự xứng đáng để được cả thế giới mang ơn, chứ không phải chỉ có người Việt Nam mang ơn như chú tôi. Như thế là cứ mỗi năm ông kiếm được một tỷ đô la. Kẹt một nỗi là ông cũng mang trên vai tám mươi cái năm mới và coi bộ cũng sắp đến lúc phải bàn giao tài sản để trở về đất.

Vậy thì cái năm mới có gì đáng mừng ? Nó chỉ là một cỗ máy hủy diệt. Nó hủy diệt một cách âm thầm, lén lút nhưng dã man, vô nhân đạo. Nó không phân biệt kẻ sang người hèn, kẻ xấu người tốt, nó hủy hoại tất cả, nó đưa mọi người tới nghĩa trang. Như vậy thì có lý do gì để chúng ta phải mừng năm mới và chúc mừng nhau năm mới ? Trái lại chúng ta còn phải cực lực phản đối và kiên quyết chống lại. Bằng cách nào thì tôi không biết và chúng ta có thể thảo luận một cách dân chủ, nhưng chắc chắn là phải chống lại.

Chỉ phiên một nỗi là chúng ta rất thiếu đoàn kết và sáng suốt. Trước một kẻ thù chung nham hiểm như vậy có người lại hợp tác, chào mừng nó

Chúc thì dĩ nhiên tôi thích, nhất là chúc mừng. Đó là biểu hiện của tình bạn, tình thân, của người muốn điều tốt cho mình. Nhưng tại sao lại "chúc mừng năm mới" ? Tôi có mong năm mới đến đâu ? Năm mới có gì đáng mừng ? Càng nhiều năm mới

MỤC LỤC	
01. Lời chúc đầu năm trước một khúc quanh lịch sử	<i>Nguyễn Văn Huy</i>
02. Những gì đáng chú ý nhất năm 2009 ?	<i>Nguyễn Gia Kiểng</i>
05. Không thể đánh thắng một địch thủ đầy quyết tâm	<i>Nguyễn Văn Huy</i>
07. Độc lập tư pháp hay công khai đổi đầu ?	<i>Nguyễn Minh</i>
09. Những chuyện vui buồn	<i>Lữ Giang</i>
11. Một vấn đề văn hóa	<i>Nguyễn Hưng Zuốc</i>
14. Khi sĩ phu ngoảnh mặt	<i>Nguyễn Ngọc</i>
15. Niềm tin héo tàn trước nguy cơ vỡ bong bóng	<i>Tim Johnston</i>
16. Đả đảo 2010 ! Đả đảo Canh Dần !	<i>Đáy</i>

và rủ nhau ăn mừng nó. Thật là vô ý thức. Cần khẩn cấp thức tỉnh nhân dân để muôn người như một đoàn kết trong một mặt trận chung ngăn chặn không cho năm mới tới. Bây giờ đã quá trễ để ngăn chặn năm 2010, nó đã đến rồi nhưng chúng ta vẫn phải phấn đấu để đánh đuổi nó đi. Nó phi nghĩa và vô đạo thì ta phải chống, cho dù cái giá phải trả là sẽ phải đương đầu với năm 2011. Vậy thì chúng ta hãy cùng hô to "Đả đảo 2010 !" .

Trước mắt cần hình thành ngay một mặt trận đại đoàn kết chống năm Canh Dần. Nó đã đến rất gần và có thể là đã quá trễ để ngăn chặn, nhưng vấn đề căn bản là chúng ta ý thức được rằng nó độc hại cho sự sống còn của chúng ta, nhất định phải chống lại với tất cả quyết tâm. Và nếu chúng ta cảm thấy dầu sao cũng không thể chống được nữa thì lại càng phải chuẩn bị để nếu có thua cũng thua trong danh dự, không thể để cho kẻ thù hoang hoang trong chiến thắng. Một cách cụ thể chúng ta sẽ tươi cười hiên ngang mở tiệc và muôn người người như một cùng nâng ly hô to "Đả đảo Canh Dần !".

Nhân tiện, khi chúng ta hô "Đả đảo 2010 !", "Đả đảo Canh Dần !", cũng xin có đôi lời về tiếng "đả đảo".

Theo chỗ tôi biết thì đây không phải là một từ tiếng Việt. Trước năm 1945 tiếng Việt không hề có tiếng "đả đảo". Nó là một tiếng Tàu 100% và có nghĩa là đánh đổ. Nó đã được du nhập vào Việt Nam nhờ chủ tịch Hồ Chí Minh, một người mà theo tập quán Việt Nam rất đáng tôn vinh và biết ơn vì đã thành công, dù thành công cho ai là điều không cần biết, cũng như ông chú tôi được tôn vinh và biết ơn dù chỉ thành công cho ông ấy. Chủ tịch sống ở Trung Quốc lâu năm nên quên tiếng Việt, lại có vợ Tàu nên thạo tiếng Tàu. Chủ tịch đã đem về nước chữ đả đảo, nhờ ông mà người Việt Nam chúng ta biết đả đảo lẫn nhau.

